Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

BÀI 10: CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI

(THƠ TRÀO PHÚNG)

MỤC TIÊU CHUNG BÀI 10

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính trong thơ trào phúng.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp cận riêng đối với một văn bản văn học.

- Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và vận dụng vào việc lựa chọn từ ngữ.

- Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- Khoan dung với những sai sót của người khác.

TIẾT 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết được các văn bản thơ trào phúng để thấy được đặc điểm của thể loại này như: Cách gieo vần, ngắt nhịp, giọng điệu; các sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính trong thơ trào phúng như: phóng đại, ẩn dụ, giễu nhại, lối nói nghịch lý…

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của nhà thơ thể hiện qua văn bản.

1. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

2. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết và phân tích một số đặc trưng thể loại thơ: Gieo vần, ngắt nhịp, giọng điệu, cách sử dụng từ ngữ.

- Năng lực nhận biết và phân tích một số thủ pháp nghệ thuật trào phúng.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh hiểu thêm các sắc thái phong phú của tiếng cười, qua đó biết cách ứng xử trong cuộc sống và hoàn thiện bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Sự chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV NV 8 tập 2.

- Máy chiếu/ bảng phụ

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh có liên quan

- Bộ câu hỏi liên quan

2. Sự chuẩn bị của học sinh:

- SGK. SBT Ngữ văn 8.

- Phiếu chuẩn bị bài ở nhà

- Tập, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung của bài học.

2. Nội dung: HS chia sẻ những hiểu biết, kiến thức đã học về thể thơ thất ngôn bát cú/ thất ngôn tứ tuyệt đường luật; kiến thức về thể loại thơ trào phúng.

3. Sản phẩm: Những suy nghĩ và chia sẻ của HS

4. Tổ chức thực hiện:

-GV tổ chức trò chơi: đoán ý đồng đội

Luật chơi: Có hai gói câu hỏi gồm các từ khóa liên quan đến các kiến thức về thơ đã học. Hai đội tham gia trò chơi, mỗi đội gồm hai thành viên, một thành viên gợi ý và một thành viên đoán các từ khóa. Trong quá trình gợi ý, không được phép sử dụng các từ có trong gói từ khóa. Mỗi đội có thời gian là 60 giây để vừa gợi ý vừa trả lời. Đội nào đoán được nhiều từ khóa hơn sẽ chiến thắng.

Gói từ khóa 1: vần, nhịp, hình ảnh thơ

Gói từ khóa 2: Thơ 7 chữ, thơ thất ngôn bát cú, thơ thất ngôn tứ tuyệt

-HS tiếp nhận nhiệm vụ và tham gia luật chơi.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài mới.

Qua trò chơi vừa rồi chúng ta đã hình dung lại những đơn vị kiến thức về thơ bảy chữ, thơ thất ngôn tứ tuyết, thất ngôn bát cú Đường luật mà chúng ta đã được học trong chương trình Ngữ văn 8 HKI. Nối tiếp chủ đề về thơ, trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu tri thức về thơ thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt đường luật và thể loại thơ trào phúng qua chủ điểm: Cười mình, cười người.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

1. Mục tiêu: Nắm được nội dung bài học

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm HS: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS

<table>
<tr>
<td>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV giới thiệu: Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về đặc điểm của thể loại thơ trào phúng. Vậy thể thơ này có đặc điểm gì chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

Đầu tiên dựa vào bài 6 chủ đề: tình yêu tổ quốc chúng ta cùng nhắc và nhớ lại các kiến thức về thơ thất ngôn bát cú và thất ngôn tứ tuyệt.

HS lắng nghe.

GV chiếu nội dung bài thơ: "Nam quốc sơn hà", Qua đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan để HS nhận diện về thể thơ, cách gieo vần và ngắt nhịp, mạch cảm xúc của bài thơ…

HS theo dõi lên bảng và hoàn thành phiếu học tập sau:

Đặc điểm của thơ thất ngôn	Trả lời
Số câu, số chữ:	
Gieo vần:	
Ngắt nhịp:	
Chữ viết:	
Giọng điệu:	
Niêm, đối:	

Bước 2: HS trao đổi thảo luận , thực hiện nhiệm vụ

HS lắng nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS trình bày sản phẩm thảo luận

-GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

</td>
<td>

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

-Thơ thất ngôn bát cú:

+ Số câu, số chữ: 8 câu thơ, mỗi câu 7 chữ

+ Gieo vần: thường vần chân (chữ thứ 7 câu 1,2,4,6,8 vần với nhau)

+Ngắt nhịp: 4/3; 2/2/3

-Thơ thất ngôn tứ tuyệt:

+ Số câu, số chữ: 4 câu thơ, mỗi câu 7 chữ

+ Gieo vần: thường vần chân (chữ thứ 7 câu 1,2,4, vần với nhau)

+Ngắt nhịp: 4/3; 2/2/3

- Đối: Câu 3, 4 và 5, 6 đối với nhau.

Niêm: hai câu thơ được gọi là niêm khi tiếng thứ 2 của 2 câu thơ cùng theo 1 luật (T hoặc B). Câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 niêm với nhau

</td>
</tr>
</table>

Hoạt động 2.2 Khám phá tri thức ngữ văn

1. Mục tiêu: Nắm được khái niệm về thơ trào phúng, một số đặc điểm thủ pháp nghệ thuật của thơ trào phúng như: ẩn dụ, phóng đại, giễu nhại…

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm HS: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện

<table>
<tr>
<th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS</th>
<th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th>
</tr>
<tr>
<td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
Gv chia lớp thành 3 nhóm lớn, yêu cầu các nhóm thảo luận tìm hiểu một số khái niệm theo PHT.
Nhóm 1: tìm hiểu về theo trào phúng
Nhóm 2: Tìm hiểu về thủ pháp trào phúng
Nhóm 3: tìm hiểu về sắc thái của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.
-Sau khi HS thảo luận và báo cáo kết quả. GV chiếu 1 số ví dụ để HS nhận diện
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Gv hỗ trợ khi cần thiết
Bước 3: Báo cáo kết quả
GV mời 1 số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét
Bước 4: Nhận xét, đánh giá
GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
</td>
<td>
Phiếu học tập
<table>
<tr><th>Đặc điểm thơ trào phúng</th><th>Trả lời</th></tr>
<tr><td>Khái niệm</td><td></td></tr>
<tr><td>Thủ pháp nghệ thuật</td><td></td></tr>
<tr><td>Sử dụng nghĩa của từ ngữ</td><td></td></tr>
<tr><td>Tiếng cười trào phúng</td><td></td></tr>
</table>
- Thơ trào phúng là một bộ phận của văn học trào phúng, trong đó tác giả tạo ra tiếng cười để châm biếm, phê phán xã hội hoặc tự phê bình bản thân. Tiếng cười trong thơ trào phúng có nhiều cung bậc: hài hước, châm biếm, đả kích, nhưng không phải lúc nào cũng rạch ròi mà chuyển hóa linh hoạt từ cung bậc này sang cung bậc khác.
- Thủ pháp trào phúng: tiếng cười trào phúng thường được tạo ra từ các thủ pháp: ẩn dụ, phóng đại, giễu nhại, lối nói nghịch lý…
- Sắc thái nghĩa của từ ngữ: là phần nghĩa bổ sung, bên cạnh nghĩa cơ bản của từ ngữ. Sắc thái nghĩa biểu thị tình cảm, thái độ đánh giá, nhận định của người nói, người viết VD: trang trọng, thân mật, coi khinh…
</td>
</tr>
</table>

Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

3. Sản phẩm HS: Kết quả của HS

4. Tổ chức thực hiện

Gv tổ chức phần thi: "Rung chuông vàng" đưa một số câu hỏi trắc nghiệm, một số VD về thơ trào phúng để HS nhận diện đặc điểm

Đọc bài thơ sau và cho biết bài thơ và trả lời các câu hỏi:

Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,
Ậm ọe quan trường miệng thét loa.
Lọng cắm rợp trời: quan sứ đến;
Váy lê quét đất, mụ đầm ra.
Nhân tài đất bắc nào ai đó?
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

(Vinh khoa thi hương – Trần Tế Xương (Tú Xương))

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Đáp án: Thất ngôn bát cú

Câu 2: Bài thơ "Bỡn Tri Phủ Xuân Trường của Trần Tế Xướng được viết theo thể thơ nào?

Tri phủ Xuân Trường được mấy niên
Nhờ trời hạt ấy cũng bình yên.
Chữ "thôi" chữ "cứu" không phê đến,
Ông chỉ quen phê một chữ "tiền"

Câu 3:Bài thơ trên gieo vần và ngắt nhịp như thế nào?

-Gieo vần chân niên – yên – tiền

-Ngắt nhịp: 4/3; 2/2/3

Câu 4: Tác giả sử dụng thủ pháp nghệ thuật nào trong bài thơ Bỡn tri phủ Xuân Trường?

Đáp án: lối nói giễu nhại, châm biếm

Câu 5: Tiếng cười trào phúng trong bài thơ trên đó như thế nào?

Đáp án: tiếng cười chế giễu, châm biếm, phê phán những tật xấu của quan lại dưới xã hội phong kiến

-GV tổ chức nhận xét đánh giá chuẩn kiến thức

1. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	GHI CHÚ
-Hình thức trò chơi hỏi đáp: rung chuông vàng. Thuyết trình sản phẩm	-Phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học. -Hấp dẫn, sinh động -Thu hút được sự tham gia của HS. -Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc. -Phiếu học tập -Hệ thống câu hỏi và bài tập. -Trao đổi và thảo luận	

2. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHT số 1:

Đặc điểm của thơ thất ngôn	Trả lời
Số câu, số chữ:	
Gieo vần:	
Ngắt nhịp:	
Chữ viết:	
Giọng điệu:	
Đối, niêm:	

PHT số 2:

Đặc điểm thơ trào phúng	Trả lời
Khái niệm	

Thủ pháp nghệ thuật	
Sử dụng nghĩa của từ ngữ	
Tiếng cười trào phúng	

Rút kinh nghiệm

……
……

……
……

……
……

Ngày soạn: ……/……/…..
Ngày dạy: ……/……/……

BÀI 10: CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI

(THƠ TRÀO PHÚNG)

Tiết…VĂN BẢN 1: BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

-Nguyễn Khuyến-

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được thể thơ và cách gieo vần trong bài thơ.
- Xác định được bố cục và chỉ ra các nét độc đáo về mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Nhận biết và phân tích được nhan đề và vai trò của nhan đề trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.
- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ Nôm Đường luật.
- Hiểu được tình cảm đậm đà thắm thiết của tác giả Nguyễn Khuyến với bạn qua thể thơ Nôm Đường luật thất ngôn bát cú.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp,

năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bạn đến chơi nhà.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bạn đến chơi nhà*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa bài thơ

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của thơ với các tác phẩm có cùng chủ đề.

c. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Trân trọng, nâng niu tình bạn đẹp, chân thành.

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

a. Chuẩn bị của GV

- SGK, SGV NV 8 tập 2.

- Máy chiếu/ bảng phụ

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh có liên quan

- Bộ câu hỏi liên quan

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

b. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8

- Phiếu chuẩn bị bài ở nhà

- Tập, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung của bài học.

2. Nội dung: HS chia sẻ

3. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Chia sẻ với các bạn một bài thơ hoặc câu ca dao về tình bạn mà em biết?

- HS trả lời: "Bạn bè là nghĩa tương tri / Sao cho sau trước một bề mới yên" hoặc "Bạn về có nhớ ta chăng / Ta về nhớ bạn như trăng nhớ trời"

- GV hỏi: Một người bạn lâu ngày gặp lại đến nhà chơi thì em sẽ tiếp đón bạn như thế nào?

- HS chia sẻ

- GV tiếp ý: Ai đã từng đón bạn đến chơi bất chợt vào lúc nhà không có sẵn một thức gì để đãi bạn thì hẳn là rất bối rối. Nhà thơ Trung Quốc Đỗ Phủ vào lúc ông sống ở ngoại thành Thành Đô bên bờ suối Cán Khê, lúc này ông già yếu lắm, bỗng có khách quý đến chơi nhà mà nhà không có gì, trong bài thơ Khách đến, ông đã mời khách ngắm hoa:

"Không hiềm đồng nội không thức nhắm

Thừa hứng xin mời ngắm khóm hoa"

Hoặc trong bài thơ khác lại viết:

"Cơm nước chợ xa không đủ món

Rượu mời nhà ngặt chỉ thứ ôi.

Nếu chịu uống cùng ông hàng xóm,

Cách rào xin gọi cạn chén vui"

Còn trong thơ ca Việt Nam ta bắt gặp tình bạn đẹp của Nhà thơ Nguyễn Khuyến với bạn cũng tiếp đãi bạn hết sức giản dị, mộc mạc, nơi thôn dã. Tiết học hôm nay

chúng ta cùng nhau tìm hiểu văn bản 1: Bạn đến chơi nhà của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Trải nghiệm cùng văn bản

1. Mục tiêu: Đọc văn bản và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản*

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản*

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. Tác giả **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (Gv)** Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập mang tên: Hồ sơ người nổi tiếng -Trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Khuyến **B2: Thực hiện nhiệm vụ** -HS chuẩn bị ở nhà và lên lớn trình bày **B3: Báo cáo, thảo luận** -Thông qua việc chuẩn bị dự án học tập nhóm 1,2 trình bày dự án. Nhóm 1: Cử đại diện thuyết trình Nhóm 2: Treo ảnh, tranh đã chuẩn bị lên bảng Gv gọi HS nhận xét đánh giá **B4: Kết luận, đánh giá** -HS: Những cặp đôi không báo cáo nhận xét, bổ sung - GV: +Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. -Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác.	**I. TRẢI NGHIỆM CỦA VĂN BẢN** **1. Tác giả** -Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) -Quê quán: Bình Lục – Hà Nam -là người thông minh, học giỏi, đỗ đầu ba kỳ thi" Hương, Hội, Đình. →Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến là nhà thơ lớn của dân tộc. **2. Tác phẩm**

2. Tác phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

-GV yêu cầu HS đọc bài thơ và hoạt động nhóm đôi tìm hiểu về bài thơ

-GV hướng dẫn HS đọc văn bản giọng chậm rãi, ung dung, hóm hỉnh.

PHT tìm hiểu chung về bài thơ "Bạn đến chơi nhà"

-Hình thức: thảo luận cặp đôi

-Thời gian: 5 phút

Đặc trưng thể loại thơ	
Thế thơ	
Ngắt nhịp	
Gieo vần	
Nhan đề	
Cảm xúc chủ đạo:	
Đối, niêm:	

Gợi ý câu hỏi cho PHT trên:

-Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Dựa vào dấu hiệu nào mà em biết?

-Khi đọc bài thơ trên em sẽ ngắt nhịp như thế nào?

-Chỉ ra các gieo vần trong bài thơ?

Nhan đề bài thơ được đặt theo cách nào? Chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

-HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.

B3: Báo cáo, thảo luận

-GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩn HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo

B4: Kết luận, đánh giá

a. Đọc

b. Tìm hiểu chú thích

-Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật

Cách ngắt nhịp: 4/3, 2/2/3 riêng câu thứ 8: 4/1/2

-Gieo vần: vần chân (cuối câu 1,2,4,6,8)

-Nhan đề: Bạn đến chơi nhà

-Đối: câu 3 và 4, 5 và 6 đối với nhau

-Niêm: Câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 niêm với nhau (Tiếng thứ 2 giống nhau về luật B hoặc T)

-Cảm xúc chủ đạo: Ca ngợi tình bạn thiết tha chân thành

-HS: Những cặp đôi không báo cáo nhận xét, bổ sung - GV: +Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. -Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác. -HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi.	

2.2: Suy ngẫm và phản hồi

1. Mục tiêu: nắm được

- Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng

-Nhận biết các thủ pháp nghệ thuật trào phúng và tác dụng của nó, tiếng cười trào phúng.

-Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, mạch cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, PHT chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ B1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS để hoàn thành PHT số 2. GV gửi PHT trước cho HS thực hiện ở nhà, lên lớp tổ chức lớp thực hiện theo phương pháo khăn phủ bàn để hoàn thành lại PHT. Em hãy nhắc lại các yếu tố thể hiện đặc trưng của thơ trào phúng được thể hiện trong bài thơ.	**2.2: Suy ngẫm và phản hồi** **1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ** **-Bố cục, mạch cảm xúc:** + câu thơ đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi →Niềm vui hồ hơi khi bạn đến chơi +6 câu tiếpHoàn cảnh tiếp đãi bạn → Tiếng cười hóm hỉnh, đùa vui trước hoàn cảnh eo le

Bài thơ được chia làm mấy phần? nêu nội dung chính từng phần? Liệu có cách chia nào khác không? Từ đó em hãy chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?

Tác giả đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tư từ nào trong 7 câu thơ đầu để mô tả gia cảnh của mình khi bạn đến nhà chơi?

Tác giả cười ai, cười về điều gì? Nêu tác dụng của những thử pháp nghệ thuật đã tạo nên tiếng cười trong bài thơ?

Phiếu học tập

Đặc điểm thơ trào phúng	Trả lời
Mạch cảm xúc	
Sử dụng nghĩa của từ ngữ	
Thủ pháp trào phúng	
Tiếng cười trào phúng	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

-HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:Yêu cầu HS báo cáo PHT theo công đoạn, các nhóm khác theo dõi bổ sung và nhận xét

- HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo

B4: Kết luận, đánh giá

-HS: Các nhóm không báo cáo nhận xét, bổ sung

- GV:

+Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.

-Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác.

-HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi.

2. Tình cảm cảm chân thành, thiết tha của tác giả dành cho bạn

B1: chuyển giao nhiệm vụ

+ Câu cuối: Quan niệm về tình bạn → Trân trọng, tình cảm sâu sắc của mình dành cho bạn

→Tạo ra một kết cấu độc đáo, 1/6/1 phá bỏ ràng buộc về bố cục 2/2/2/2 của thể thơ

-Các hình ảnh, từ ngữ, đặc sắc:

-Cách xưng hô: bác : thể hiện sự thân mật, gần gũi, tôn trọng.

-Liệt kê các từ ngữ: hình ảnh: trẻ đi vắng, chợ xa, ao sâu nước cả, vườn ruộng, cải chửa ra cây, cà mới nụ, bầu rụng rốn, mướp đương hoa, trầu không có.

-**Thủ pháp trào phúng:** Phóng đại, lối nói hóm hỉnh

-Tiếng cười trào phúng: tự trào (cười mình) một cách hóm hỉnh đùa vui. → Tuy không có gì tiếp đãi bạn nhưng tác giả có một tình cảm chân thành, thân thiết.

2. Tình cảm chân thành, thiết tha của tác giả dành cho bạn

2.1 câu đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi nhà

"Đã bấy lâu nay, bác tới nhà"

-Thời gian: đã bấy lâu nay →Thời gian rất lâu không gặp

-Cách xưng hô: Bác → thân mật, gần gũi, tôn trọng

GV Gọi HS đọc câu thơ đầu với giọng điệu thích hợp.

Gv đặt câu hỏi gợi dẫn để hướng dẫn HS hoàn thành PHT sau

-Đây là lời của ai dành cho ai?

Cách mở đầu bài thơ có gì thú vị?

Em có nhận xét gì về thời gian và cách xưng hô?

+ Cụm từ "đã bấy lâu nay" gợi lên cho em điều gì ?

+ Tác giả đã xưng hô với bạn như thế nào? Cách xưng hô có ý nghĩa gì?

Em hình dung cảm xúc của tác giả như thế nào?

Nội dung tìm hiểu	Từ ngữ, hình ảnh thơ	Nhận xét
Thời gian		
Cách xưng hô		
Cảm xúc của nhà thơ		
Nhận xét chung		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

-HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:Yêu cầu HS báo cáo PHT theo cặp đôi, các nhóm khác theo dõi bổ sung và nhận xét

- HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo

B4: Kết luận, đánh giá

-HS: Các nhóm không báo cáo nhận xét, bổ sung

- GV:

+Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.

-Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác.

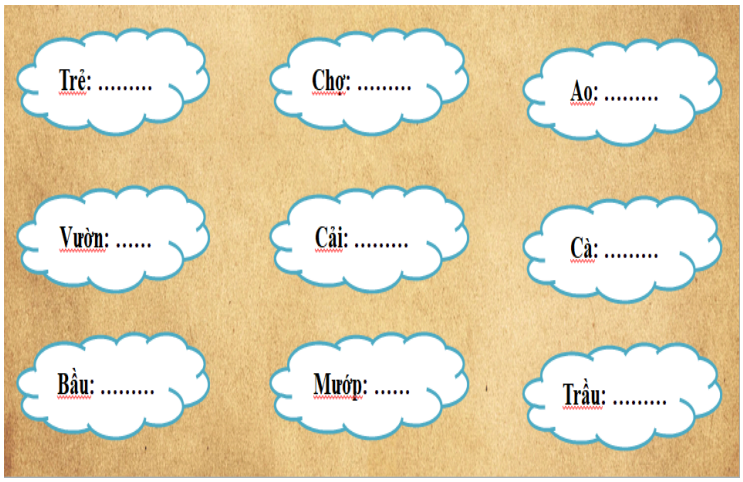
-HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi.

Câu thơ bộc lộ sự hồ hởi, vui mừng khi bạn đến chơi nhà.

B1: chuyển giao nhiệm vụ

GV Gọi HS đọc 6 câu thơ tiếp với giọng điệu thích hợp.

GV cho HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ để thực hiện gắn thẻ chữ vào bảng sau:



Câu hỏi gợi ý: ? Lẽ thường, khi bạn đến chơi, chủ nhà nghĩ đến việc thiết đãi bạn để tỏ tình thân thiện. Nhưng trong bài thơ này, hoàn cảnh của tác giả có gì khác nên ông không thể tiếp bạn theo lẽ thường ? em hãy chỉ rõ bằng cách điền vào bảng sau:

Theo em tại sao sau lời chào đón bạn tác giả lại nhắc đến trẻ và chợ?

?Theo em, mọi thức ăn trong gia đình có sẵn hay không?

? Em hãy diễn tả cái điều "có đấy mà cũng như không" của các thứ thức ăn được kể và tả trong bài thơ này?

Từ đó lí giải vì sao tác giả cố tạo ra một tình huống đặc biệt như thế nhằm mục đích gì ?

? Nếu hiểu đây là hoàn cảnh thật thì qua cách nói đó, em hiểu chủ nhà là người như thế nào, và tình cảm của ông đối với bạn ra sao?

? Nếu hiểu đây là cách nói cho vui về cái sự không có gì để đãi bạn thì em hiểu hoàn cảnh sống , tính cách, tình cảm của chủ nhà dành cho bạn ra sao?

? Cái không được đấy tới tận cùng là "**trầu không có**" nghĩa là không có đến cả cái tối thiểu

2.2 Sáu câu thơ tiếp : Hoàn cảnh tiếp đãi bạn

- Trẻ - đi vắng → không có người sai bảo
- Chợ - xa → không dễ mua thức ăn ngon đãi bạn
- Thịt cá:

+ Cá: ao sâu, nước cả
+ Gà: vườn rộng, rào thưa

⇒Không bắt được

- Rau quả:

+ Cải: chửa ra cây
+ Cà: mới nụ
+ Bầu: vừa rụng rốn
+ Mướp: đương hoa

⇒Không dùng được

- Lễ nghi tiếp khách: trầu → không có (nói quá)

-> Liệt kê theo giá trị giảm dần, có cũng như không, ngôn ngữ giản dị, tiếng cười tự trào hóm hỉnh.

□ Tình bạn chân thành, cao đẹp vượt trên cả vật chất và mọi lễ nghi thông thường.

cho việc tiếp khách. Để nói thẳng, nói cho vui được như thế, em thấy chủ nhà phải là người như thế nào? ? Vậy tình bạn của họ ra sao? ? Qua 6 câu thơ này, em nhận được cảm xúc gì của tác giả trong cách nói trên? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** -HS thực hiện gắn thẻ chữ và trả lời câu hỏi gợi ý của GV **B3: Báo cáo, thảo luận** GV:Yêu cầu HS thực hiện dán thẻ chữ vào bảng phụ trong thời gian 2p, nhóm nào xong trước sẽ lên bảng trình bày. - HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo B4: Kết luận, đánh giá -HS: Các nhóm không báo cáo nhận xét, bổ sung - GV: +Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. -Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác. -HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi.	
B1: chuyển giao nhiệm vụ GV Gọi HS đọc câu thơ cuối với giọng điệu thích hợp. HS Hướng dẫn HS tìm hiểu câu thơ cuối theo phương pháp cặp đôi: ? Theo em, câu thơ cuối, hình ảnh nào đáng chú ý? ? Cụm từ "**ta với ta**" có ý nghĩa như thế nào? "**ta**" ở đây là ai? Mối quan hệ giữa 2 từ "**ta**" ra sao? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** -HS thực hiện gắn thẻ chữ và trả lời câu hỏi gợi ý của GV	**2.3 câu thơ cuối: Quan niệm về tình bạn** - **Ta** $_1$: Chủ nhà (tác giả) - **Ta** $_2$**:** Khách (bạn) - Ta với ta: tuy 2 mà một Đại từ **Tình bạn đậm đà, thắm thiết, giản dị vượt lê vật chất tầm thường**

B3: Báo cáo, thảo luận GV:Yêu cầu HS thực hiện dán thẻ chữ vào bảng phụ trong thời gian 2p, nhóm nào xong trước sẽ lên bảng trình bày. - HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo B4: Kết luận, đánh giá -HS: Các nhóm không báo cáo nhận xét, bổ sung - GV: +Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. -Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác. -HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi. **GV nhận định** Ta:Chủ nhà (tác giả) Ta: khách (bạn) **ta với ta**" là cụm từ biểu cảm. Đại từ "**ta**" vừa là ngôi thứ nhất số ít, vừa là ngôi thứ nhất số nhiều. "**ta**" là tác giả, "**ta**" cũng là bạn, "**ta**" cũng là chúng ta. "**ta**" ở đây tuy hai mà một, không còn sự xa cách. Đó là quan hệ gắn bó, hoà hợp của tình bạn trong sáng, bền chặt và sâu sắc **Bình**: "**Bác đến chơi đây ta với ta**" Là 1 câu kết hay, hội tụ linh hồn của bài thơ. Ta với ta nghĩa là 1 tấm lòng đến với 1 tấm lòng, kẻ tri âm đến với người tri kỷ. Vậy thì tất cả yếu tố lễ nghi kia đều là những thứ vô nghĩa. Chủ và khách có chung 1 tình cảm thắm thiết thanh cao, đó là cái quý giá không vật chất nào sánh được. Ba tiếng "**ta với ta**" gợi cảm xúc vui mừng, thân mật. Bạn bè xa cách, nay vượt đường xa dặm thẳm, vượt cái yếu đuối của tuổi già để đến thăm nhau thì thật là đáng quý. Sự gần gũi, tâm đắc về mặt tâm hồn đã gắn bó chủ và khách làm 1. GV chốt ý và ghi bài	
Tổng kết về nội dung nghệ thuật	**III. Tổng kết**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ -GV yêu cầu HS khái quát nội dung và nghệ thuật cỉa bài HS tiếp nhận nhiệm vụ **B2: HS trao đổi thảo luận** -HS thực hiện nhiệm vụ **B3: Báo cáo, thảo luận** HS trả lời câu hỏi Gv gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Đánh giá nhận định** GV nhận xét, đánh giá, chốt ý	**1. Nghệ thuật** -Sử dụng phá cách thể thơ Thất ngôn bát cú với lời thơ mộc mạc, giản dị, gần gũi. -Sử dụng linh hoạt thủ pháp nghệ thuật trào phúng. **2. Nội dung** Qua tiếng cười tự trào, hóm hỉnh đùa vui tác giả đã bày tỏ sự trân trọng, yêu quý sâu sắc của mình dành cho bạn

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức

2. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức trong cuộc sống để hoàn thành bài tập

3. Sản phẩm: Kết quả của HS

4. Tổ chức thực hiện

GV: giao nhiệm vụ trong HS

Trong cuộc sống hàng ngày, có người thân với bạn vì mục đích:

- Nhà bạn có điều kiện nên sẽ giúp đỡ được mình nhiều về vật chất (bao mình ăn uống, mua đồ cho mình).

- Bạn học giỏi nên giờ kiểm tra bạn sẽ cho mình chép bài.

- Chơi vì hợp tính với bạn?

Ý kiến của em như thế nào?

HS thảo luận nhóm đôi rồi trình bày suy nghĩ của mình.

Gv nhận xét, đánh giá.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thực đã học vào giải quyết các tình huống, bài tập trong cuộc sống.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

3. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS

4. Tổ chức thực hiện

CHECKIN CẢM XÚC

-Hãy viết những điều em muốn nói với bạn của mình (Cảm ơn, xin lỗi…) vào giấy để chia sẻ với lớp lên cây yêu thương.

-Nêu biểu hiện của một tình bạn đẹp.

1. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	GHI CHÚ
-Hình thức trò chơi hỏi đáp: dán thẻ chữ, Ai nhanh hơn., thảo luận nhóm. Thuyết trình sản phẩm	-Phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học. -Hấp dẫn, sinh động -Thu hút được sự tham gia của HS. -Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc. -Phiếu học tập -Hệ thống câu hỏi và bài tập. -Trao đổi và thảo luận	

2. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHT số 1:

Đặc điểm của thơ thất ngôn	Trả lời
Số câu, số chữ:	
Gieo vần:	
Ngắt nhịp:	
Chữ viết:	
Giọng điệu:	
Đối, niêm:	

PHT số 2:

Đặc điểm thơ trào phúng	Trả lời
Khái niệm	

Thủ pháp nghệ thuật	
Sử dụng nghĩa của từ ngữ	
Tiếng cười trào phúng	

PHT số 3:

Nội dung tìm hiểu	Từ ngữ, hình ảnh thơ	Nhận xét
Thời gian		
Cách xưng hô		
Cảm xúc của nhà thơ		
Nhận xét chung		

Rút kinh nghiệm

……
……

……
……

……
……

VB2: ĐỀ ĐỀN SẦM NGHI ĐỐNG

-Hồ Xuân Hương-

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Xác định được thể thơ và cách gieo vần trong bài thơ.
- Xác định được bố cục và chỉ ra các nét độc đáo về mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Nhận biết và phân tích được nhan đề và vai trò của nhan đề trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.
- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ Nôm Đường luật.
- Hiểu được thái độ chế giễu, khinh bỉ của Bà Chúa Thơ Nôm Hồ Xuân Hương với tên Thái Tú Sầm Nghi Đống.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

d. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bạn đến chơi nhà.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bạn đến chơi nhà*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa bài thơ

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của thơ với các tác phẩm có cùng chủ đề.

e. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp:

+ Trung thực khi tham gia các hoạt động.

+ Trách nhiệm bản thân với gia đình, quê hương.

+ Nhân ái có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thơ trào phúng.

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

a. Chuẩn bị của GV

- SGK, SGV NV 8 tập 2.

- Máy chiếu/ bảng phụ

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh có liên quan

- Bộ câu hỏi liên quan

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

b. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8

- Phiếu chuẩn bị bài ở nhà

- Tập, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1 : Mở đầu (5 phút)

a. Mục tiêu: Khơi gợi trí nhớ về kiến thức nền để hiểu bài thơ tốt hơn.

b. Nội dung: tham gia trò chơi *Ai nhanh hơn*?

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện

*** GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn?**

- Phổ biến luật chơi: Trong thời gian 3 phút, bạn nào trả lời đúng nhiều câu nhất thì sẽ là người thắng cuộc.

Giaoan.link

Giao nhiệm vụ học tập	Thực hiện NV học tập Báo cáo, thảo luận	Kết luận, nhận định
HS lắng nghe câu hỏi liên quan đến chủ điểm của bài học và trả lời các câu hỏi: **Câu 1.** Em biết những bài thơ trào phúng của Hồ Xuân Hương? **Câu 2.** Em thích bài thơ nào trong các bài thơ vừa nêu? Vì sao? - *Chia sẻ với các bạn trong lớp về cách chơi chữ trong thơ HXH tương tự mà em đã biết. Suy nghĩ và cảm xúc của em về nghệ thuật ấy là gì?*	- Thực hiện NV học tập: *Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.* - Báo cáo, thảo luận: *2-3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).*	GV nhận xét câu trả lời của HS; công bố kết quả trò chơi; giới thiệu bài học, nêu nhiệm vụ học tập.

GV dẫn dắt vào bài thơ: Bài thơ nhắc người đọc nhớ đến một sự kiện lịch sử oanh liệt của dân tộc ta. Tết Kỷ Dậu 1789, Vua Quang Trung đại phá quân Thanh. Xác giặc chất cao như núi tại gò Đống Đa: "Thành Nam thập nhị kình nghê quán" (Phía Nam thành (Thăng Long) mười hai gò xác giặc). Đồn Khương Thượng bị tiêu diệt, Sầm Nghi Đống là một tướng trong đội quân xâm lược nhà Thanh do Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh sang đánh nước ta. Mùa xuân 1789, khi vua Quang Trung tiến quân vào Thăng Long, Sầm Nghi Đống đang trấn thủ ở đồn Ngọc Hồi bị đánh tan tành. Hàng vạn giặc bị giết: "Một trận rồng lửa giặc tan tành" (Ngô Ngọc Du). Do thất trận, Y khiếp đảm đã thắt cổ chết thảm hại kết thúc đời làm tướng của mình. Thể theo nguyện vọng của Hoa kiều, và truyền thống nhân đạo của dân tộc ta, vua Quang Trung cho phép lập một đền thờ. Trước khi chết, hắn viên tướng họ sầm không ngờ rằng mấy chục năm sau có một người phụ nữ Việt Nam đã ngạo mạn đề vào đền bốn câu thơ, Hồ Xuân Hương đi qua ngôi đền tên tướng giặc Sầm Nghi Đống do Hoa kiều dựng lên, tức cảnh làm bài thơ này. Bài thơ biểu lộ một thái độ khinh bỉ được thể hiện bằng giọng thơ chế giễu đa nghĩa: không những chỉ thể hiện một cách nhìn khinh rẻ một viên tướng xâm lược, mà còn nói lên một khát vọng của bản thân mình và phụ nữ nói chung về sự bình đẳng nam nữ.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1: Trải nghiệm cùng văn bản

1. Mục tiêu: Đọc văn bản và sử dụng một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản*

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản*

4. Tổ chức thực hiện

*** Chuẩn bị đọc**

*** Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV đặt câu hỏi**

Em hiểu nghĩa từ "Đền" như thế nào? Em đã học hoặc đã đọc những bài thơ nào tôn thờ đền, chùa? Vậy "Đề đền Sầm Nghi Đống" có ý nghĩa như thế nào?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.

(Sử dụng Bài thơ Lễ hội Đền Hùng - Tác giả: Phạm Tân Dân)

Núi Nghĩa Lĩnh linh thiêng đất Việt
Ngàn ngàn năm rực rỡ mây rồng
Đỉnh cao đệ nhất thờ Quốc Phụ
Chung Mẫu dân Nam ánh lửa nồng
Lời hứa sắt son hồn đất nước
Xây nền độc lập vững non sông
Tộc truyền kiệt tác danh muôn thuở
Giếng Ngọc bốn mùa nước lặng trong
Lễ Hội Đền Hùng dân khí vượng
Bánh chưng dày tích sáng đàng Đông
Hát xoan tươi mát khai dân trí
Nhất hậu dân sinh cháu Lạc Hồng.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. Tác giả **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (Gv)** Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập mang tên: Hồ sơ người nổi tiếng *? Trình bày hiểu biết của em về tác giả Hồ Xuân Hương* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** -HS chuẩn bị ở nhà và lên lớn trình bày **B3: Báo cáo, thảo luận** -Thông qua việc chuẩn bị dự án học tập nhóm 1,2 trình bày dự án. Nhóm 1: Cử đại diện thuyết trình Nhóm 2: Treo ảnh, tranh đã chuẩn bị lên bảng Gv gọi HS nhận xét đánh giá **B4: Kết luận, đánh giá** -HS: Những cặp đôi không báo cáo nhận xét, bổ sung - GV:	**I. Trải nghiệm cùng văn bản** **1. Tác giả** - Hồ Xuân Hương (?-?) - Sống khoảng cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX - Quê quán: Quỳnh Đôi – Quỳnh Lưu – Nghệ An. - Là người nổi tiếng với những sáng tác thơ bằng chữ Nôm. Tổng cộng 50 bài. - Chủ đề: Bênh vực, đề cao phụ nữ và để kích thói đạo đức giả của quan lại vua chúa. Được ví là Bà chúa thơ Nôm.

+Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.
- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác.

2. Tác phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài thơ và hoạt động nhóm đôi tìm hiểu về bài thơ
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản giọng chậm rãi, ung dung, hóm hỉnh.

PHT tìm hiểu chung về bài thơ "Đề đền Sầm Nghi Đống"
- Hình thức: thảo luận cặp đôi
- Thời gian: 5 phút

Đặc trưng thể loại thơ	
Thế thơ	
Nhịp thơ	
Gieo vần	
Nhan đề	
Cảm xúc chủ đạo	
Đối, niêm	

Gợi ý câu hỏi cho PHT trên:
? Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Dựa vào dấu hiệu nào mà em biết?
? Khi đọc bài thơ trên em sẽ ngắt nhịp như thế nào?
? Chỉ ra các gieo vần trong bài thơ?
? Nhan đề bài thơ được đặt theo cách nào? Chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.

B3: Báo cáo, thảo luận

2. Tác phẩm

a. Đọc

b. Tìm hiểu chú thích

- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- Nhịp thơ: 4/3, 2/2/3 riêng câu thứ 2: 1/3/3
- Gieo vần: vần chân (cuối câu 1,2,4)
- Nhan đề: Đề đền Sầm Nghi Đống
- Đối: câu 3 và 4, 5 và 6 đối với nhau
- Niêm: Câu 1 và 4, 2 và 3 niêm với nhau (Tiếng thứ 2 giống nhau về luật B hoặc T)
- Cảm xúc chủ đạo: Phê phán, chễ giễu, thiếu tôn trọng đối với tên giặc bại trận dưới tay của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ.

Chủ đề bài thơ: Thông qua thái độ bất kính, coi thường Sầm Nghi Đống, HXH thể hiện khát vọng bình đẳng nam – nữ muốn lập lên công danh sự nghiệp vẻ vang cho người phụ nữ của HXH.

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩn HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo B4: Kết luận, đáh giá - HS: Những cặp đôi không báo cáo nhận xét, bổ sung - GV: +Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác. - HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi.	

2.2: Suy ngẫm và phản hồi

1. Mục tiêu: nắm được

- Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng

- Nhận biết các thủ pháp nghệ thuật trào phúng và tác dụng của nó, tiếng cười trào phúng.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, mạch cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, PHT chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS để hoàn thành PHT số 2. GV gửi PHT trước cho	**II. Suy ngẫm và phản hồi** **1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ**

HS thực hiện ở nhà, lên lớp tổ chức lớp thực hiện theo phương pháo khăn phủ bàn để hoàn thành lại PHT.

? Em hãy nhắc lại các yếu tổ thể hiện đặc trưng của thơ trào phúng được thể hiện trong bài thơ.

? Bài thơ được chia làm mấy phần? nêu nội dung chính từng phần? Liệu có cách chia nào khác không? Từ đó em hãy chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?

? Tìm những từ ngữ, hình ảnh, thể hiện thái độ của tác giả khi đến đền Sầm Nghi Đống. Đó là thái độ gì? Dựa vào cước chú lý giải nguyên nhân này?

? Trong bài thơ, tác giả cười ai, cười về điều gì? Nêu tác dụng của những thử pháp nghệ thuật đã tạo nên tiếng cười trong bài thơ?

Phiếu học tập

Đặc điểm thơ trào phúng	**Trả lời**
Mạch cảm xúc	
Sử dụng nghĩa của từ ngữ	
Thủ pháp trào phúng	
Tiếng cười trào phúng	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.

2. Thái độ của tác giả trong bài thơ

2.1 Hai câu thơ đầu: Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sầm Nghi Đống

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Gv đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS để hoàn thành PHT số 3:

Trong 2 câu thơ đầu:

- Bố cục, mạch cảm xúc

+Hai câu thơ đầu: Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sầm Nghi Đống → Chế giễu, dè bỉu, coi thường

+Hai câu cuối: Khẳng định vai trò của người phụ nữ → Thể hiện sự tự hào, và một khát vọng được bình đẳng, khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ.

- Các hình ảnh, từ ngữ, đặc sắc: ghé mắt, kìa, đứng cheo leo. Cách xưng hô: Đây: Thể hiện sự tự tôn, ý thức về giá trị bản thân.

- **Thủ pháp trào phúng**: Cách nói giễu nhại để gây ra tạo ra tiếng cười.

- Tiếng cười trào phúng: (cười người): Thái độ xem thường, giễu cợt, mỉa mai đối với Sầm Nghi Đống, đồng thời bộ lộ cá tính, bản lính khát vọng muốn thai đổi thân phận, lập nên sự nghiệp lẫy lừng vẻ vang cho phận nữ nhi của HXH.

2. Thái độ của tác giả

2.1 Hai câu thơ đầu: Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sầm Nghi Đống

? Tác giả đã có thái độ như thế nào đối với đền thái thú?

? Tìm từ ngữ, hình ảnh thể hiện điều đó? Nêu tác dụng của BPTT đó?

? Cách gieo vần trong câu thơ thứ 2 có điều gì đặc biệt?

+ Hai câu thơ đầu thể hiện suy nghĩ của bà như thế nào về tên SNĐ?

+ Trong hai câu thơ cuối: Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ đây trong câu thơ thứ ba? Từ đây được dùng ở ngôi thứ mấy? Có ý nghĩa như thế nào?

? Tác giả đã nêu ra giả định gì trong hai câu thơ cuối?Những từ ngữ nào nói lên giả định của tác giả? Đó là giả định gì? Đặt trong bối cảnh XHPK, với thân phận là phụ nữ, lời giả định đó góp phần bộc lộ điều gì về nhà thơ?

? Thủ pháp nghệ thuật được sử dụng trong 2 câu thơ này là gì? Từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện điều đó?

? Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua 2 câu thơ cuối này?

? Qua đó em đánh giá như thế nào thái độ của tác giả với tên thái thú Sầm Nghi Đống?

Nội dung thể hiện	Từ ngữ/hình ảnh thơ	Nhận xét
Hai câu thơ đầu		
Hai câu thơ cuối		
Thái độ của tác giả		

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:Yêu cầu HS thực hiện dán thẻ chữ vào bảng phụ trong thời gian 2p, nhóm nào xong trước sẽ lên bảng trình bày.

- Từ ngữ, hình ảnh: ghé mắt, kìa, đứng cheo leo động từ, đại từ, từ láy gợi hình.

Thái độ: Ngạo mạn, nhìn nghiêng-liếc qua, tay chỏ

-Ngắt nhịp: 1/3/3 + "kìa": Thái độ ngạc nhiên

- Hình tượng đền độc đáo: hiện lên sự thảm hại của tên tên bại trận dưới con mắt nữ sĩ họ Hồ.

 Thái độ giễu cợt, coi thường, dẻ bỉu tên tướng bại trận Sầm Nghi Đống.

2.2 Hai câu cuối: Khẳng định vai trò của người phụ nữ

- Cách xưng hô: "Đây" Ngang hàng với đấy – Sầm Nghi Đống Ý thức rõ về giá trị của mình, thái độ mỉa mai, xem thường tên tướng giặc.

- Từ ngữ hình ảnh thơ đặc sắc: "Đổi phận làm trai được", "há bấy nhiêu": Lời khẳng định, tuyên bố tài năng của người phụ nữ không hề thua kém đấng nam nhi.

 Âm hưởng bài thơ là khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ. Thái độ *"bất kính"* của bà là một thách thức đối với ý thức trọng nam khinh nữ, thách thức với các "sự nghiệp anh hùng" của nam nhi, thách thức đối với thần linh.

- HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo **B4: Kết luận, đánh giá** -HS: Các nhóm không báo cáo nhận xét, bổ sung - GV: + Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. + Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác. - HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi.	

III. Tổng kết

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Tổng kết về nội dung nghệ thuật **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS khái quát nội dung và nghệ thuật cỉa bài HS tiếp nhận nhiệm vụ **B2: HS trao đổi thảo luận** - HS thực hiện nhiệm vụ **B3: Báo cáo, thảo luận** HS trả lời câu hỏi Gv gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Đánh giá nhận định** GV nhận xét, đánh giá, chốt ý	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật** - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã được Việt hoá cao độ từ giọng điệu, ngôn từ đến ý thơ. Cách nhìn, cách tả, cách so sánh và suy nghĩ cho thấy một lối nói trào phúng, sắc nhọn. Bài thơ đa nghĩa, hóm hỉnh, sâu sắc. **2. Nội dung** - Khẳng định tài năng của người phụ nữ. - Đả kích đền 1 vị thần xâm lược bại trận-bất tài vô dụng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức

2. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức trong cuộc sống để hoàn thành bài tập

3. Sản phẩm: Kết quả của HS

4. Tổ chức thực hiện

GV: Tổ chức trò chơi "Hỏi xoáy đáp nhanh"

HS suy nghĩ trả lời

Câu hỏi	Yêu cầu	Giải thích
1	Em hình dung thấy điều gì khi đọc bài thơ này?	- Ngôi đền tầm thường, một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh rẻ.
	Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ? Em có nhận xét gì về cách gieo vần và ngắt ngắt nhịp ấy?	- Vần chân, nhịp, ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn.
2	- Tìm và nêu tác dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ thể hiện tâm trạng bà HXH về Thái thú Điền Châu Sầm Nghi đống?	- Ghé, trông ngang, thấy, kìa, đứng cheo leo: miệt khinh, biểu cảm ngạc nhiên - "Đây" là đại từ nhân xưng – xấc xược, rất coi thường. -Câu thơ thứ 4: câu hỏi tu từ- giễu cợt, hài hước nhân lên 10 lần
3	Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ trên?	mang một hàm nghĩa sâu xa.. Bà đã chế giễu nhân cách tầm thường, cách xử sự tầm thường của những kẻ mày râu, những "trang nam nhi", "bậc quân tử" bất tài, vô hạnh trong xã hội.
4	Hãy viết một đoạn văn ngắn để bày tỏ suy nghĩ của em về nghệ thuật trào phúng được sử dụng trong thơ TNBCĐL?	Cá nhân thực hành viết

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập	Thực hiện NV học tập Báo cáo, thảo luận	Kết luận, nhận định
- Yêu cầu HS Viết đoạn văn (5-7 câu)	- Thực hiện NV học tập: + HS suy nghĩ, trả lời	GV nhận xét, bổ sung, chốt ý

Giaoan.link

trình bày cách hiểu của em về vị trí của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	+ Gv quan sát, hỗ trợ - Báo cáo, thảo luận: + Hs trả lời + Hs khác lắng nghe, bổ sung.	- Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng - Nêu được cách nhìn trào phúng về thân phận người phụ nữ trong XHPK.

1. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	GHI CHÚ
- Hình thức trò chơi hỏi đáp: dán thẻ chữ, Ai nhanh hơn, thảo luận nhóm. Thuyết trình sản phẩm	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học. - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia của HS. - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học.	- Báo cáo thực hiện công việc. -Phiếu học tập -Hệ thống câu hỏi và bài tập. -Trao đổi và thảo luận	

2. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHT số 1:

Đặc điểm của thơ thất ngôn	Trả lời
Số câu, số chữ:	
Gieo vần:	
Ngắt nhịp:	
Chữ viết:	
Giọng điệu:	
Đối, niêm:	

PHT số 2:

Đặc điểm thơ trào phúng	Trả lời
Khái niệm	
Thủ pháp nghệ thuật	
Sử dụng nghĩa của từ ngữ	
Tiếng cười trào phúng	

PHT số 3:

Nội dung thể hiện	Từ ngữ/hình ảnh thơ	Nhận xét

Hai câu thơ đầu		
Hai câu thơ cuối		
Thái độ của tác giả		

Rút kinh nghiệm

……
……

……
……

……
……

Bài 10: CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI

Văn bản đọc kết nối chủ điểm:

HIỂU RÕ BẢN THÂN

(Thời gian: 1 tiết)

I. Mục tiêu bài học

1. Về kiến thức

- Vận dụng kỹ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ kết nối với văn bản Bạn đến chơi nhà, Đề đền Sầm Nghi Đống để hiểu hơn về chủ điểm "Cười mình, cười người".

2. Về năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Dựa vào văn bản có thể trả lời câu hỏi ngắn gọn.

- Tự tin bộc lộ suy nghĩ của mình.

3. Về phẩm chất:

Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm: có trách nhiệm với bản thân .

II. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu hoặc TV có kết nối, bảng phụ, phấn/ bút lông.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên ngữ văn 8- tập 2 CTST.

- Phiếu bài tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động mở đầu.

a. Mục tiêu

- Kích hoạt kiến thức nền.
- Giúp học sinh hình dung ra chủ đề của bài.

b. Sản phẩm

- Câu trả lời của học sinh.

c. Nội dung

Gv cho Hs xem video và đặt ra câu hỏi, học sinh trả lời.

d. Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV trình chiếu video " Tìm mình giữa dòng người"

GV đặt ra câu hỏi: Em hãy lắng nghe đoạn video sau và cho biết, tại sao nhân vật "tôi" lại cảm thấy hoang mang, bế tắc?

https://youtu.be/2dV87W4icSE

* Thực hiện nhiệm vụ:

-HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.

*** Báo cáo, thảo luận**: 2,3 HS trình bày suy nghĩ, cảm nhận của mình.

*** Kết luận, nhận định.**

GV góp ý câu trả lời của HS, khuyến khích HS mạnh dạn bộc lộ suy nghĩ của bản thân.

Ví dụ:

- Vì nhân vật "tôi" không biết mình là ai, mình muốn gì, cần gì...

GV định hướng: Những điều các em vừa trình bày chính là những vấn đề của nhân vật "tôi" cũng như tất cả chúng ta muốn tìm hiểu :

"Tại sao mình thấy mệt mỏi đến vậy? Tại sao những việc này luôn lặp lại với mình? Mình cảm thấy bế tắc, thấy cuộc sống giống như một vòng tuần hoàn không lối thoát. Ấy là vì, chúng ta chưa hiểu được bản thân mình.

Vậy hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản đọc kết nối chủ điểm : "Hiểu rõ bản thân" của tác giả Thomas Armstrong để hiểu hơn về bản thân mình.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

a. **Mục tiêu:**

- Vận dụng kỹ năng đọc để hiểu nội dung câu chuyện.
- Liên hệ kết nối với văn bản Bạn đến chơi nhà, Đề đền Sầm Nghi Đống để hiểu hơn về chủ điểm "Cười người, cười mình".

b. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh trong phiếu bài tập.

c. Nội dung

Phiếu bài tập của giáo viên và câu trả lời của học sinh qua các hoạt động học tập.

d. Tổ chức thực hiện

<table>
<tr><th>Hoạt động của thầy và trò</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập.
NV 1: HS đọc bài .
NV 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.
Phiếu bài tập
<table>
<tr><td>Câu hỏi</td><td>Câu trả lời</td></tr>
<tr><td>1. Hiểu biết của em về tác giả Thomas Armstrong</td><td></td></tr>
<tr><td>2. Em hãy giới thiệu vài nét về tác phẩm “Bạn thông minh hơn bạn nghĩ”</td><td></td></tr>
</table>
* Thực hiện nhiệm vụ
HS đọc văn bản
- Thực hiện trả lời câu
* Báo cáo, thảo luận
- Hs nhận xét cách đọc bài của học sinh.
- Báo cáo phiếu bài tập đã chuẩn bị ở nhà về tác giả và tác phẩm.
* Kết luận, nhận định
</td><td>
Hoạt động 1:
I. Trải nghiệm cùng văn bản.
<table>
<tr><td>1. Tác giả</td><td>Thomas Armstrong.
Thomas Armstrong sinh ngày (1899- 1978) tại Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland.
-Ông là tác giả của 15 đầu sách tập trung vào học thuyết thông minh, đa dạng thần kinh, các học thuyết và phương pháp giáo dục dựa trên học thuyết về thông minh để giúp học sinh có thể khám phá ra khả năng tiềm ẩn của bản thân.</td></tr>
<tr><td>2. Tác phẩm
“Bạn thông minh hơn bạn nghĩ”</td><td>- Bạn thông minh hơn bạn nghĩ viết về thuyết thông minh, đa dạng thần kinh…sẽ giúp bạn khám phá ra khả năng tiềm ẩn của bản thân phát triển những loại</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

- GV nhận xét cách đọc, khen ngợi các em . - Nhận xét kết quả làm việc ở nhà của các nhóm. - Kết luận dựa trên câu trả lời của HS. **<u>Hoạt động 2</u>: Suy ngẫm và phản hồi** *** Chuyển giao nhiệm vụ học tập** GV Chuyển giao phiếu bài tập cho HS là những câu hỏi trong SGK. *** Thực hiện nhiệm vụ học tập.** Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận. - Nhóm 1 thực hiện trả lời câu số 1 (SGK tr104) - Nhóm 2 thực hiện trả lời câu số 2 ((SGK tr 104)- Nhóm 3 thực hiện trả lời câu số 3 (SGK tr105) - Nhóm 4 thực hiện trả lời câu số 4 (SGK tr 105) *** Báo cáo, thảo luận** HS trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập. Dán bảng phụ lên bảng và đại diện các tổ nhóm lên trình bày và điều khiển lớp thảo luận. *** Kết luận, nhận định.** GV kết luận dựa trên kết quả thảo luận của học sinh. Đối với câu 2, 3 GV không kết luận đúng sai mà khuyến khích hs đưa ra những suy nghĩ của mình. GV chỉ đưa ra ví dụ cách hiểu của mình. Tôn trọng suy nghĩ của HS. Củng cố chủ đề văn bản "Hiểu rõ bản thân".	hình thông minh khác nhau. Sách của tiến sĩ Armstrong đã được phiên dịch ra hơn 80 ấn bản bằng 26 ngôn ngữ khác nhau. **Hoạt động 2:** **II. Suy ngẫm và phản hồi** **1. Quan niệm của tác giả về " quá trình hiểu rõ bản thân".** Theo tác giả, "quá trình hiểu rõ bản thân" cũng giống như việc khám phá mình là ai, mình yêu hay ghét điều gì, cảm nhận cuộc sống như thế nào, tin và ủng hộ điều gì và mình có thể làm gì cho thế giới này. **2. Một số câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân.** - Năng khiếu nổi bật nhất của bạn là gì? - Hi vọng và ước mơ của bạn là gì? - Điều gì làm bạn hạnh phúc? - Bạn thật sự muốn học điều gì? - Mục tiêu hiện tại của bạn là gì? - Mục tiêu tương lai của bạn là gì? -Bạn đã học được những gì từ trải nghiệm của bản thân? - Hiện tại bạn cảm thấy như thế nào? Tại sao lại như vậy? **3. Ý kiến về lời khuyên của tác giả** **- Lời khuyên:"** Tuy nhiên đừng trả lời câu hỏi một lần rồi bỏ quên chúng. Hãy đặt ra những câu hỏi giống nhau tại những thời điểm khác nhau của cuộc

	sống- một tháng, sáu tháng tính từ thời điểm hiện tại, hay thời điểm bắt đầu năm học mới” **- Ý kiến:** Đồng tình với lời khuyên của tác giả. Vì: Ở những thời điểm khác nhau câu trả lời cho những câu hỏi đó sẽ được mở rộng và nâng cao hơn, sẽ được trả lời cụ thể, rõ ràng hơn và cũng có thể có sự thay đổi. Chúng ta ngày càng trưởng thành hơn, nhận thức của chúng ta về bản thân cũng đầy đủ, sâu sắc hơn. Và vì khám phá bản thân là một quá trình chứ không phải là một câu trả lời ở một thời điểm nhất định. **4. Thông điệp của văn bản** Thông điệp: - Chỉ khi nhận thức rõ về bản thân chúng ta mới có thể cười mình. Và khi chúng ta chưa hiểu rõ về bản thân mình thì đừng vội cười người bởi : “ Cười người chớ vội cười lâu Cười người hôm trước, hôm sau người cười” Theo em, ngoài việc tự trả lời các câu hỏi như văn bản gợi ý em có thể tham gia các hoạt động trải nghiệm để hiểu bản thân hơn Liên hệ với các văn bản 1,2 trong chủ điểm: Cười mình, cười người - Tiếng cười “ tự trào” hóm hỉnh trong “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến: Tác giả hiểu rõ hoàn cảnh của mình và bằng lối nói dí dỏm, hóm hỉnh, nhà mình thức gì cũng có nhưng lại chẳng có gì để đãi bạn cho thấy tình

	bạn chân thành, cao đẹp vượt trên cả vật chất và mọi lễ nghi thông thường, từ đó khẳng định tình bạn sâu sắc trân quý của nhà thơ. - Tiếng cười trào phúng, giễu nhại trong "Đề đền Sầm Nghi Đống" của Hồ Xuân Hương. Bà đã thể hiện thái độ chế giễu, khinh bỉ đối với tên Thái thú Sầm Nghi Đống- một tên tướng bại trận và thể hiện sự tự ý thức về giá trị bản thân với khát vọng bình đẳng nam – nữ muốn lập lên công danh sự nghiệp vẻ vang.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

1. Kể ra một số biểu hiện của người chưa hiểu rõ bản thân

2. Kể tên một số bài thơ trào phúng mà em biết ?

3. Theo em, hiểu rõ bản thân có ý nghĩa như thế nào?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập**

-HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.

*** Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh trả lời.

- HS khác nhận xét trên cơ sở tôn trọng suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của bạn.

*** Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét phần trả lời của học sinh và tôn trọng suy nghĩ của học sinh. GV khuyến khích học sinh bộc lộ suy nghĩ của mình.

Dự kiến sản phẩm:

1. Một số biểu hiện của người chưa hiểu rõ bản thân:
- Không biết mình muốn gì, cần gì.

- Không hiểu những việc làm của mình.

- Tin những điều mà người khác nói về mình.

- Khó khăn khi phải đưa ra quyết định, chọn lựa.

- Không có ước mơ, không có mục tiêu rõ ràng.

2. Một số bài thơ trào phúng:
VD: Ngất ngưởng - Tác giả Nguyễn Công Trứ

Khóc Tổng Cóc - Tác giả Hồ Xuân Hương

Năm mới chúc nhau - Tác giả Tú Xương

3. Theo em, thấu hiểu bản thân giúp mỗi người xác định được rõ sở trường, năng lực, lí tưởng sống, mục tiêu, ước mơ…để định vị giá trị bản thân mình và để thành công.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích

HS nói ra được điều mà các em cảm nhận được sau khi tìm hiểu văn bản "Hiểu rõ bản thân".

b. Sản phẩm

Câu trả lời của HS.

c. Nội dung

HS nêu suy nghĩ của mình.

d. Tổ chức hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

GV đặt câu hỏi: Trong những câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân mà tác giả đã nêu trong văn bản, em thích nhất câu hỏi nào? Em hãy trả lời câu hỏi đó.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập**

-HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.

*** Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh trả lời.

- HS khác nhận xét trên cơ sở tôn trọng suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của bạn.

*** Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét phần trả lời của học sinh và tôn trọng suy nghĩ của học sinh. GV khuyến khích học sinh bộc lộ suy nghĩ của mình.

Chúng ta phải hiểu được bản thân chúng ta muốn gì để có thể đặt mục tiêu và thực hiện nó. Có như vậy chúng ta mới có được tương lai tốt đẹp.

PHIẾU BÀI TẬP 1

Câu	Nội dung câu hỏi	Câu trả lời của em
1	Tác giả quan niệm như thế nào về " quá trình hiểu rõ bản thân"?	
2	Liệt kê một số câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân mà em yêu thích trong văn bản.	
3	Em có đồng tình với lời khuyên của tác giả: " Tuy nhiên, đừng trả lời câu hỏi một lần rồi bỏ quên chúng. Hãy đặt ra các câu hỏi giống nhau tại những thời điểm khác nhau của cuộc sống- một tháng, sáu tháng tính từ thời điểm hiện tại, hay thời điểm bắt đầu năm học mới"?. Hãy lí giải câu trả lời của em.	
4	Chỉ khi nhận thức rõ về bản thân, chúng ta mới có thể "cười mình". Theo em, ngoài việc tự trả lời những câu hỏi	

	như văn bản gợi ý, chúng ta có thể làm gì để hiểu bản thân rõ hơn?	

PHIẾU BÀI TẬP 2

Câu	Nội dung câu hỏi	Câu trả lời của em
1	Em hãy nêu một số biểu hiện của người chưa hiểu rõ bản thân	
2	Kể tên một số bài thơ trào phúng mà em biết ?	
3	Theo em, hiểu rõ bản thân có ý nghĩa như thế nào?	

BÀI 10. CƯỜI NGƯỜI, CƯỜI MÌNH

Tuần Tiết **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

(Thời lượng: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác: chủ động, tự tin trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm; trong hoạt động thực hành tiếng Việt với giáo viên.

- Phát triển năng lực tự chủ, tự học: chủ động, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập được chuyển giao trước buổi học trong các hoạt động học tập.
- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua việc thực hành các dạng bài tập tiếng Việt nâng cao.

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và vận dụng vào việc lựa chọn từ ngữ.

- Vận dụng kiến thức về sắc thái nghĩa của từ để làm các bài tập và trong nói va viết

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm và khả năng tự học: biết tự chịu trách nhiệm với sản phẩm, kết quả học tập của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- SGK, SGV, Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

2. Học liệu

- Tri thức tiếng Việt.
- Hình ảnh liên quan đến nội dung trong tiết

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. <u>Hoạt động xác định vấn đề</u>

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi có vấn đề qua ví dụ, HS theo dõi trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -GV dùng bảng phụ hoặc máy chiếu, thể hiện 2 ví dụ, đặt câu	-Do dụng ý của người nói, ý

hỏi: *a. Chú mèo* *b. Con hổ* *? Tại sao cùng là con vật nhưng cách gọi khác nhau?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. - Gv quan sát, hỗ trợ **B3. Báo cáo / Thảo luận** - HS thảo luận báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4. Kết luận/ nhận định** - Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:	nghĩa khác nhau.....

2.<u>Hoạt động hình thành kiến thức</u>

a. Mục tiêu: HS nắm được kiến thức về sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ

b. Nội dung: GV đặt vấn đề, HS thảo luận trả lời

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
I.Tri thức Tiếng Việt	

B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ, thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: *? So sánh sự giống nhau và khác nhau trong cách gọi tên người trong hai ví dụ.* *? Từ đó rút ra kết luận gì về cách sử dụng từ, sắc thái nghĩa của từ.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. - Gv quan sát, hỗ trợ **B3.Báo cáo / Thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4. Kết luận/ nhận định** -Nhận xét câu trả lời của HS - Từ phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới	**1.Ví dụ** a. **Vị** đại biểu, **vị** khách -> Thái độ kính trọng b. **Tên** trộm, **tên** cướp -> Thái độ coi khinh **2. Kết luận** -Khái niệm -Cách sử dụng từ ngữ (SGK/100)

3.<u>Hoạt động luyện tập</u>

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về sắc thái nghĩa của từ để làm các bài tập và trong nói và viết

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
II.Thực hành	
Bài tập 1/105	

B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập, làm theo theo nhóm đôi: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Gv quan sát, hỗ trợ GV hướng dẫn: *Đầu tiên, tra từ điển để biết nghĩa của các từ ngữ.* *Sau đó, chỉ ra sắc thái nghĩa của các từ ngữ khi đặt vào ngữ cảnh của câu thơ* - HS thực hiện thảo luận **B3.Báo cáo / Thảo luận** - HS 1,2 nhóm báo cáo kết quả; - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4.Kết luận/ nhận định** -Nhận xét câu trả lời của HS,chốt	a. "Vểnh râu": vốn là từ ngữ chỉ ý "nhàn nhã" với cảm xúc bông đùa hoặc chê trách. "Lên mặt": vốn là từ ngữ xấu, nghĩa dùng chỉ ý "tỏ ra kiêu căng, coi thường người khác". => Thể hiện cảm xúc tự châm biếm, tự chế giễu mình của Trần Tế Xương b. "Quệt": thể hiện thái độ tự tin, mạnh mẽ và có phần bông đùa, giễu cợt của Hồ Xuân Hương khi mời trầu c. "Bảnh choẹ": thể hiện thái độ giễu cợt, coi khinh của Nguyễn Khuyến dành cho những "tiến sĩ giấy
Bài tập 2+ 3/106	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS bài tập, thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn + Nhóm 1,3: Bài 2 +Nhóm 2,4: Bài 3 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - GV quan sát, hỗ trợ - HS thực hiện thảo luận theo nhóm **B3.Báo cáo / Thảo luận** - HS các nhóm báo cáo kết quả; - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4.Kết luận/ nhận định** -Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức	**Bài 2.** -"Bác" là từ mà những người bạn lớn tuổi dùng để gọi nhau với sắc thái vừa kính trọng vừa thân mật. -Câu thơ thể hiện cách xưng hô giữa những người bạn đã có tuổi; thể hiện được tình cảm sâu sắc, chân thành mà Nguyễn Khuyến dành cho người bạn của mình. ->Nếu thay từ "bác" bằng từ "bạn", câu thơ sẽ không giữ được sắc thái nghĩa như ban đầu nữa **Bài 3.** Không thể thay từ "ngang" bằng từ "lên" vì "trông ngang" mới bộc lộ

<table>
<tr><td></td><td>được thái độ coi thường, giễu cợt của Hồ Xuân Hương khi đến đền Sầm Nghi Đống ;
(Bởi thông thường khi viếng đền, người ta có thái độ tôn kính đối với vị thần được thờ, nhưng Sầm Nghi Đống là tướng xâm lược bại trận nên không đáng được người đời dành cho thái độ đó)</td></tr>
<tr><td colspan="2">Bài tập 4 / 105</td></tr>
<tr><td>B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV yêu cầu HS bài tập, thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành PHT

<table>
<tr><td>Nghĩa của từ “cheo leo”</td><td>.....
.....
.....</td></tr>
<tr><td>Nghĩa trong ngữ cảnh</td><td>.....
.....
.....</td></tr>
<tr><td>Từ ngữ thay thế có nghĩa tương</td><td>.....
.....
.....
.....
...</td></tr>
<tr><td>Nhận xét</td><td>.....
.....
.....
.....
...</td></tr>
</table>

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
B2. Thực hiện nhiệm vụ
- GV hướng dẫn, quan sát, hỗ trợ
+ GV gợi dẫn: GV cần lưu ý HS quan tâm đến sắc thái nghĩa, đến sự hiệp vần trong thơ
- HS thực hiện thảo luận theo nhóm
B3. Báo cáo / Thảo luận</td><td>-Nghĩa của từ “cheo leo”: cao và không có chỗ bấu víu, gây cảm giác nguy hiểm, dễ bị rơi, ngã.
-Thay thế từ “cheo leo” trong câu thơ bằng một hoặc một số từ có nghĩa tương tự như: cao ngất, cao vút, ngất ngưởng, chênh vênh
-Có thể thay thế từ “cheo leo” bằng từ “chênh vênh” vì cả hai từ đều có nghĩa cơ bản là “cao và không có chỗ bấu víu, gây cảm giác nguy hiểm, dễ bị rơi, ngã”.
-Nhưng từ “cheo leo” ngoài việc vần với từ “treo” theo luật của thơ tứ tuyệt thì còn gợi ra sắc thái giễu cợt rõ ràng hơn: đền có thế đứng không uy nghi, không vững vàng, lại heo hút.
=> Việc thay thế là không phù hợp bởi làm mất đi nét nghĩa trong câu thơ, không phản ánh đúng suy nghĩ, thái độ của tác giả, việc chọn lựa và sử dụng từ ngữ cho chúng ta thấy cái hay trong sử dụng từ ngữ của Hồ Xuân Hương.</td></tr>
</table>

-GV Yêu cầu HS lên trình bày; Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). -HS: Trình bày kết quả làm việc nhóm; Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). **B4. Kết luận/ nhận định** - GV Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS, Chốt kiến thức	
Bài tập 5/106	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài, làm việc theo nhóm đôi -HS tiếp nhận nhiệm vụ **B2. Thực hiện nhiệm vụ** -GV quan sát, hỗ trợ , hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. -HS thảo thực hiện thảo luận nhóm đôi **B3.Báo cáo / Thảo luận** GV Yêu cầu HS lên trình bày; Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). -HS: Trình bày kết quả làm việc nhóm; Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). **B4.Kết luận/ nhận định** - GV Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS, Chốt kiến thức. Tác giả hỏi để tự cười cho cái vô tích sự của mình. Hỏi không phải để trả lời mà giễu mình, giễu đời.	- Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: Câu hỏi tu từ "*Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?*" - Tác dụng: Việc sử dụng câu hỏi tu từ giúp tăng sắc thái biểu cảm cho việc diễn đạt, thể hiện thái độ tự trào của tác giả trước cuộc đời, là bức chân dung tự họa chính mình. Đặc biệt, đó còn là những sự đổi thay, biến chuyển của đời sống xã hội lúc bấy giờ.

4.<u>Hoạt động vận dụng</u>

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để tham gia trò chơi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	**1.B**

-Tổ chức trò chơi "Chim cánh cụt học bài" **Câu 1:** *Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "Anh ấy có một thân hình ...."* A.Khổng lồ B.To lớn **Câu 2. Tại sao không thể thay thế các từ in đậm cho nhau trong hai ví dụ:** **a.Nó cao lắm.** **b.Nó lêu nghêu** **Câu 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "*Con mời ba mẹ ... cơm ạ !"*** A. Ăn B.Chén **Câu 4. Phân biết sắc thái nghĩa của từ "Chậm rãi" và "chậm chạp"** - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	**2.** Sắc thái nghĩa khác nhau -Cao: sắc thái bình thường -Lêu nghêu: sắc thái chê bai 3. B 4. **chậm rãi** chỉ mang sắc thái tích cực còn **chậm chạp** mang sắc thái tiêu cực.
B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - Gv quan sát,	
B3. Báo cáo / Thảo luận - HS thảo luận báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	
B4. Kết luận/ nhận định - Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:	

VIẾT:
VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC
Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù:

- Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét độc sắc về hình thức nghệ thuật.

1.2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Phát triển kỹ năng tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: Bảng, phấn, bút lông, giấy A_0, bút màu, phiếu học tập, bảng kiểm, SGK Ngữ Văn 8, tập 2 CTST..

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<table>
<tr><th colspan="3">HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (10p)</th></tr>
<tr><td colspan="3">a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
b. Nội dung: GV nêu câu hỏi, HS trả lời.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.
d.Tổ chức thực hiện:</td></tr>
<tr><th>Giao nhiệm vụ học tập</th><th>Thực hiện nhiệm vụ học tập và báo cáo, thảo luận</th><th>Kết luận, nhận định</th></tr>
<tr><td>(1) HS xem video và trả lời các câu hỏi?
(2) Sau khi đọc xong một tác phẩm văn học (truyện, tiểu thuyết,…) chắc hẳn sẽ có những tác phẩm để lại những ấn tượng sâu sắc. Vậy khi muốn chia sẻ với người khác về tác phẩm ấy thì em có thể chia sẻ bằng cách nào?</td><td>*Thực hiện nhiệm vụ:
- Cá nhân HS quan sát video.
*Báo cáo, thảo luận:
- HS trình bày, các HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).</td><td>- GV ghi nhận nội dung HS trả lời bằng từ khóa, sơ đồ nhanh lên bảng.
- GV nhận xét câu trả lời của HS, giới thiệu bài học, nêu nhiệm vụ học tập.</td></tr>
<tr><th colspan="3">HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35p)</th></tr>
</table>

2.1 Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học

a. Mục tiêu: Bước đầu biết viết bài phân tích một tác phẩm văn học.
b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm, yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học.
d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập	Thực hiện nhiệm vụ học tập & báo cáo, thảo luận	Kết luận, nhận định
(1) Ôn lại kiến thức đã học - HS đã được học kiểu bài này ở bài Yêu thương và hi vọng (Ngữ văn 8, tập hai), do đó, GV gợi nhắc yêu cầu về kiểu bài bằng cách cho HS điền vào PHT 1. **(2) Phân tích mẫu SGK** **GV yêu cầu HS đọc VB mẫu, sau đó hướng dẫn các em quan sát kĩ:** - Phần mở bài, thân bài và kết bài của VB. - Các chữ số xuất hiện đan xen trong VB nhằm lưu ý HS một đặc điểm nào đó của bài văn phân tích một tác phẩm văn học. - Các box nhỏ được đánh số thứ tự nằm bên phải VB, ứng với các chữ số trong bài văn. ***- GV yêu cầu các em đọc lại mục tri thức về kiểu bài ở bài Yêu thương và hi vọng (Ngữ văn 8, tập hai) và thực hiện các yêu cầu ở phần Hướng dẫn phân tích kiểu VB – Phân tích bài thơ "Rằm tháng Giêng" (Nguyên tiêu)*** 1. Bài văn phân tích tác phẩm văn học nào? 2. Phần mở bài nêu những nội dung gì?	- Cá nhân HS hoàn thành PHT 1. - Sau khi báo cáo, nghe kết luận nhiệm vụ (1), cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (2). - HS đọc thầm VB mẫu (SGK/tr.107-108) và quan sát. - HS đọc lại **mục tri thức về kiểu bài ở bài Yêu thương và hi vọng (Ngữ văn 8, tập hai) và thực hiện các yêu cầu ở phần Hướng dẫn phân tích kiểu VB** – Phân tích bài thơ "Rằm tháng Giêng" (Nguyên tiêu) trả lời các câu hỏi để củng cố kiến thức về	- Nhiệm vụ (1): Nhận xét câu trả lời và tinh thần chuẩn bị bài cũ của HS; nhấn mạnh những yêu cầu về văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học - Nhiệm vụ (2): Nhận xét câu trả lời, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng HS cần nhận ra vai trò quan trọng của lí lẽ và bằng chứng cũng như việc sắp xếp chúng trong bài viết.

3. Phần thân bài có mấy luận điểm? Người viết đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ các luận điểm đó? 4. Phần kết bài có mấy ý? 5. Người viết đã sử dụng các phương tiện liên kết nào để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của bài viết? **(3) Rút ra yêu cầu đối với kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học. Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi 5':** 1. Chỉ ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài viết vừa đọc? Theo em các yếu tố trên có mối quan hệ như thế nào trong bài viết? 2. Để làm nổi bật các luận điểm, tác giả bài viết đã sử dụng những từ ngữ nào? 3. Từ bài văn trên, hãy ghi lại một số lưu ý khi viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.	đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học và hình dung được các bước sẽ phải tiến hành khi viết. - Sau khi nghe kết luận nhiệm vụ (2) HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ (3) - HS trình bày, nhận xét, bổ sung.	- Nhiệm vụ (3): Nhận xét phần trình bày và tinh thần thảo luận của các nhóm. Rút ra yêu cầu đối với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

(Nội dung ghi bài là kết quả của PHT số 1, đính kèm ở Phụ lục)

a: Khái niệm:

Phân tích một tác phẩm văn học thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

b. Yêu cầu đối với kiểu bài

Nội dung	- Nêu được chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn học, ví dụ: hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp tu từ (đối với văn bản thơ); tình huống, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, ngôi kể (đối với văn bản truyện),...
Hình thức	- Lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhân ra mạch lập luận
Bố cục bài viết	**- Mở bài:** giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả,...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

	- Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm. **- Kết bài:** khẳng định lại ý kiến về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.

2.2. Hướng dẫn quy trình viết

a. Mục tiêu: Bước đầu biết viết bài phân tích một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập, sử dụng kĩ thuật động não để lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, tìm bằng chứng và hoàn thành dàn ý chuẩn bị cho phần thực hành viết.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập, câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập	Thực hiện nhiệm vụ học tập và báo cáo, thảo luận	Kết luận, nhận định
(1) Chuẩn bị trước khi viết - Học sinh đọc đề bài SGK, NV 8-T2/109. 1. Đề tài em sẽ chọn là gì? 2. Em viết bài viết này nhằm đạt mục đích gì? **(2)Tìm ý và lập dàn ý** **Tìm ý :** - GV phát phiếu học tập số 2. Chia lớp thành 4 nhóm. **Lập dàn ý** -GV phát phiếu học tập số 3 cho HS. Chia lớp thành 4 nhóm. -Từ nội dung phiếu số 2 HS trích lục thông tin hình thành dàn ý trong phiếu học tập số 3.	***Thực hiện nhiệm vụ** Cá nhân thực hiện nhiệm vụ (1) *** Báo cáo, thảo luận:** - Nhiệm vụ (1) - Cá nhân HS đọc đề bài. - HS chắt lọc thông tin SGK để trả lời. ***Thực hiện nhiệm vụ** HS nhận phiếu học tập số 2 *** Báo cáo, thảo luận:** - Nhóm 1, 2 báo cáo thu thập tư liệu - Nhóm 3, 4 nhận xét bổ sung. ***Thực hiện nhiệm vụ** HS nhận phiếu học tập số 3. *** Báo cáo, thảo luận:** HS đổi phiếu học tập số 3 cho nhau và trao đổi thảo luận, bổ sung. - HS trả lời. - HS trả lời cá nhân.	**- Nhiệm vụ (1)** Dựa vào nội dung SGK, chắt lọc thông tin, từ đó đạt mục đích: + HS xác định được đề tài. + HS tìm được mục đích viết của đề tài mình chọn. (Giả định: GV giúp HS chọn viết về một bài thơ đã được học trong chương trình) **- Nhiệm vụ (2)** **Tìm ý :** + GV: Nhận xét thái độ tham gia nhiệm vụ, sản phẩm học tập của HS. + GV: tư vấn HS, bổ sung những thông tin còn thiếu,… giúp hoàn thiện. + GV cho HS ghi nhận thông tin phiếu học tập số 2 **- Lập dàn ý**

(3) Viết bài Dựa vào dàn ý đã lập, em sẽ triển khai bài viết. Khi viết, cần chú ý điều gì? **(4) Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** **HS thảo luận nhóm đôi, trả lời nhanh:** 1. Em thích điều gì ở bài viết này? 2. Bài viết này nên điều chỉnh những gì để đáp ứng yêu cầu của kiểu bài? 3. Nếu được viết lại, em sẽ điều chỉnh như thế nào để bài viết tốt hơn?	- Hs thảo luận nhóm, chia sẻ trả lời câu hỏi và nhận xét, bổ sung, góp ý	+ HS ghi nhận nội dung phiếu học tập số 3 thành dàn ý. + GV nhận xét bổ sung hoàn thiện nội dung dàn ý **(3) Viết bài** - GV nhận xét bổ sung. •Nêu rõ từng luận điểm. •Lần lượt làm rõ từng luận điểm bằng các lí lẽ, bằng chứng trích từ bài thơ. **(4) Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** - GV nhận xét bổ sung.

II. Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1. *Chuẩn bị trước khi viết*

Bước 2. *Tìm ý và lập dàn ý*

Bước 3. *Viết bài*

Bước 4. *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (35p)

a. Mục tiêu:

- Năng lực tự chủ và tự học: Phát triển kỹ năng tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.
- Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

b. Nội dung: HS thực hành viết và chia sẻ kết quả, nhận xét, đánh giá dựa trên bảng kiểm.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập	Thực hiện nhiệm vụ học tập và báo cáo, thảo luận	Kết luận, nhận định
(1) Chuẩn bị trước khi viết **(2) Thực hành viết theo nhóm**	***Thực hiện nhiệm vụ** HS viết đoạn văn/bài văn theo nhóm *** Báo cáo, thảo luận:**	- Nhiệm vụ (2): Hướng dẫn cách sử dụng bảng kiểm để định hướng viết bài; nhận xét thái độ tham gia nhiệm

GV chia lớp thành 4 nhóm: **- Nhóm 1:** Viết đoạn mở bài. **- Nhóm 2:** Viết đoạn phân tích đặc điểm thứ 1 của tác phẩm. **- Nhóm 3:** Viết đoạn phân tích đặc điểm thứ 2 của tác phẩm. **- Nhóm 4:** Viết đoạn kết **(3) Trình bày sản phẩm** **(4) Dùng bảng kiểm đánh giá bài viết.**	Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm, nhóm còn lại dựa vào bảng kiểm nhận xét, bổ sung (nếu có).	vụ, sản phẩm học tập của các nhóm. - Nhiệm vụ (3): Hướng dẫn cách sử dụng bảng kiểm để đánh giá bài viết, nhận xét. - Nhiệm vụ (4): Nhận xét thái độ tham gia nhiệm vụ, sản phẩm học tập của các nhóm; khuyến khích HS về nhà tiếp tục chỉnh sửa bài viết.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10p)

a) Mục tiêu: Năng lực tự chủ và tự học: Phát triển kỹ năng tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.
b) Nội dung: GV giao bài cho HS thực hiện (ở nhà).
c) Sản phẩm: Bài làm của học sinh.
d) Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập	Thực hiện nhiệm vụ học tập và báo cáo, thảo luận	Kết luận, nhận định
- GV yêu cầu học sinh về nhà chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	- HS thực hiện theo yêu cầu của GV - HS nộp bài cho GV (theo thời gian quy định)	- Nhắc lại những kiến thức trọng tâm HS cần nhớ. - Nhận xét diễn biến tiết học, thái độ học tập, thảo luận. - Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói.

Hướng dẫn chuẩn bị bài

* Bài cũ
- Yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh bài viết theo yêu cầu.
* Bài mới
- Chuẩn bị bài nói và nghe: **Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi.**
+ Tham khảo trước các chủ đề thảo luận SGK/73.
+ Xem kĩ các bước thực hiện.

Phụ lục

PHT SỐ 1 TRI THỨC VỀ KIỂU VĂN BẢN

a: Khái niệm:	
b. Yêu cầu đối với kiểu bài	
Nội dung	
Hình thức	
Bố cục bài viết	

PHT SỐ 2 PHIẾU TÌM Ý

Tác phẩm mà em phân tích: **Tên tác phẩm:** **Tác giả:**	
Phương diện	**Nội dung**
Tóm lược nội dung tác phẩm:	…… …….. …… ……..
Nêu chủ đề:	…… …….. …… ……..
Những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng	**Nét thứ nhất:** …… …….. …… ……..
	Tác dụng:

	…… …….. …… …….. **Nét thứ hai:** …… …….. …… …….. **Tác dụng:** …… …….. …… …….. …… …….. …… …….. …… ……
Cảm nhận về tác phẩm:	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: DÀN Ý CHI TIẾT

Mở bài	• Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả. …… • Chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm ……
Thân Bài	**- Chủ đề của tác phẩm**…… …… **- Một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm:** • Nét thứ nhất: …… Tác dụng…….

	•.Nét thứ hai: …….. Tác dụng……..
Kết bài	• Khẳng định lại chủ đề và giá trị của tác phẩm…….. …….. • Suy nghĩ/ cảm xúc về tác phẩm, chia sẻ bài học rút ra cho bản thân……. ……..

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ: Chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu tên bài thơ, thể loại và tên tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, yếu tố hình thức nổi bật,...).		
Thân bài	Nêu chủ đề của tác phẩm.		
	Nêu một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).		
	Phân tích giá trị cùa một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật		
	Sử dụng các bằng chứng có trong tác phẩm.		
	Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.		
Kết bài	Khẳng định một vài nét đặc sắc nổi bật của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật,...).		
	Nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiêm cá nhân hoặc bài học bản thân rút ra từ tác phẩm.		

Diễn đạt	Viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp.		

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

TIẾT: NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định được vấn đề chính của một cuộc thảo luận .

- Có những nhận định về đúng/sai, hay/dở riêng cho bản thân.

- Biết cách lập ý, tìm ý để bảo vệ ý kiến.

2. Về năng lực:

- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về vấn đề nghị luận: tự nhận thức bản thân.

- Xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên.

- Biết đưa ra các ý kiến để giải quyết.

- Rèn khả năng hợp tác, thỏa hiệp để đi đến thống nhất vì mục tiêu chung.

- Biết cách nói và nghe phù hợp.

3. Về phẩm chất:

- Tôn trọng nhữn ý kiến khác biệt,

- Biết lắng nghe và thay đổi cách nghĩ, cách làm.

- Tôn trọng tập thể.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Sự chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV NV 8 tập 2.

- Máy chiếu/ bảng phụ

- Phiếu học tập

- Rubric đánh giá theo tiêu chí và bảng kiểm

-Video 1 về tự nhận thức bản thân:

https://www.youtube.com/watch?v=1M7uviWfRKw

- Video 2 về bài học tự nhận thức bản thân môn GDCD bài 6:

https://www.youtube.com/watch?v=fRAEsWwGWyk

-Video 3: Kỹ năng tự nhận thức và đánh giá bản thân của ThS tâm lý: Mai Mỹ Hạnh

https://www.youtube.com/watch?v=DwKJNvGp4lQ

2. Sự chuẩn bị của học sinh:

- SGK. SBT Ngữ văn 8.

- Phiếu chuẩn bị bài ở nhà.

- Tập, vở ghi.

- Phiếu thảo luận nhóm.

III. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS kết nối kiến thức đã chuẩn bị ở nhà, kiến thức của cuộc sống vào bài học.

2. Nội dung:

- Gv gửi video 2 và video 3 cho HS xem trước tại nhà để chuẩn bị bài cho ngày hôm sau.

- GV yêu cầu HS xem video 1 , HS theo dõi, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV

3. Sản phẩm:

HS xác định được nội dung của tiết học là nói về vấn đề sự tự nhận thức bản thân và vấn đề này có ý kiến trái chiều cần có hướng giải quyết thống nhất giữa các thành viên trong nhóm một cách lớp lý.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv chiếu video 1: về tự nhận thức bản thân mình và yêu cầu HS vừa xem vừa nói được vấn đề đặt ra trong video là gì? Nó có biểu hiện như thế nào? Vai trò và ý nghĩa của nó với bản thân em? https://www.youtube.com/watch?v=1M7uviWfRKw HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ -HS quan sát, suy nghĩ, trả lời -GV quan sát và lắng nghe Bước 3: Báo cáo, thảo luận -HS trình bày -GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn Bước 4: Kết luận nhận định -GV nhận xét và kết nối vào bài học	HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

1. Chuẩn bị nói: Thành lập nhóm và phân công công việc	
Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói **Nội dung:** -GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS -HS trả lời câu hỏi của GV	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) -Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.	**1. Chuẩn bị** -Thành lập nhóm và phân công công việc. -Nhóm 1, 3: Đồng tình

Yếu tố	Dự kiến của tôi	Cách thức trình bày phù hợp
Mục đích bài nói		
Người nghe		
Thời gian		
Không gian		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

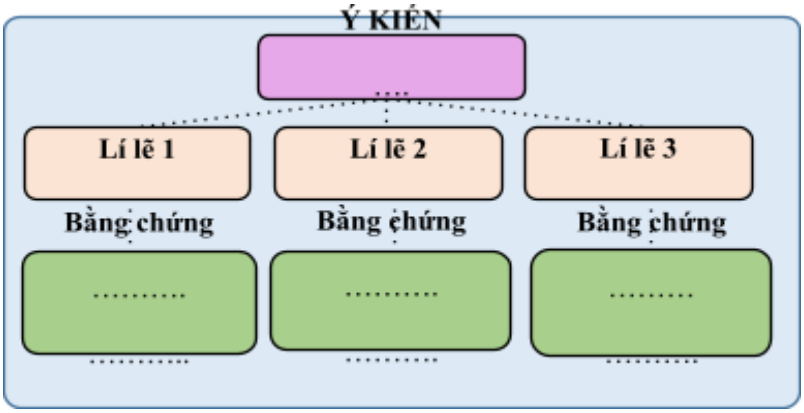
- HS của lớp phân theo nhóm bầu ra nhóm trưởng.

-Dự kiến KH: Lớp chia thành 4 nhóm: 2 nhóm thể hiện quan điểm đồng tình; 2 nhóm thể hiện quan điểm không đồng tình.

-Sau đó HS lập dàn ý theo sơ đồ để thảo luận.

Bước 3: Thảo luận, báo cáo

- HS trình bày kết quả đã thảo luận của nhóm.
- Thư kí ghi chép và tổng hợp các ý kiến theo mẫu bên dưới
- Phản hồi ý kiến: Lắng nghe và phân tích những điểm hợp lí và chưa hợp lí.
- Thống nhất ý kiến: Việc tranh luận về nhân vật có thể không đi đến kết luận cuối cùng là ai đúng ai sai, điều quan trọng là mỗi ý kiến tranh luận phải dựa trên bằng chứng và lập luận chặt chẽ thuyết phục được nhiều thành viên trong nhóm ủng hộ, đồng tình



GV quát sát, hướng dẫn các em thực hiện trao đổi

Nhóm 2, 4: Không đồng tình

- Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận:

+ HS đọc lại VB, tìm hiểu kĩ nhân vật, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm

-Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận

2: Tập luyện

- Đại diện nhóm sẽ trình bày ý kiến thống nhất của nhóm mình dựa trên những lí lẽ, dẫn chứng mà các nhóm đã tranh luận, phản biện.
- HS tập nói một mình trước gương.
- HS tập nói trước nhóm/tổ.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét phần trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn.	
2. Trình bày bài nói	
Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông. **Nội dung:** GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ -GV tổ chức buổi tọa đàm: **"Lắng nghe thiếu niên nói"** + Gv sẽ chọn 2 nhóm của 2 đội đồng tình/ không đồng tình nhanh nhất để làm đội chơi. 2 nhóm còn lại sẽ làm ban giám khảo (Mỗi nhóm cử ra 3 bạn làm BGK). +2 nhóm làm đội chơi thực hiện phần nói theo dàn ý đã chuẩn bị. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí **Bước 3: Trao đổi báo cáo** - HS nói (4 - 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói, trình bày trước cả lớp. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (ý kiến của bản thân về vấn đề được nói đến). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.
3. Trao đổi và đánh giá bài nói	
a.Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. **b. Nội dung:** - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS	

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu (phát) bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí (bảng kiểm). - Nhận xét của HS

Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc.		
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút.		
Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến của người nói về vấn đề.		
Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.		
Nói rõ, rành mạch và đúng thời gian quy định.		
Tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí.		
Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thoả đáng những câu hỏi.		
Biết bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe.		

- Yêu cầu HS đánh giá theo bảng kiểm
Hướng dẫn HS đóng vai trò người nghe, ghi lại

+ 3 ưu điểm về phần tóm tắt của bạn

+ 2 hạn chế

+ 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV**:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo bảng kiểm

HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.

B3: Thảo luận, báo cáo

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.
- HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.

HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS. Gv chia nhóm lớp thành 2 chủ đề để giải quyết bài tập

Chủ đề 1: Việc ghi chép bài học môn Ngữ văn có thật sự cần thiết?

Chủ đề 2 : Điểm số có thật sự quyết định năng lực học tập của bạn?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi, bày tỏ ý kiến; tìm kiếm lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến

- HS liệt kê một số việc giúp học tốt môn Ngữ văn như (luyện đọc nhiều, tập trung và dành thời gian đọc lại, tập trung nghe và tránh làm việc riêng và ghi chép bài đầy đủ, gạch dưới ý chính và sử dụng sơ đồ tư duy...)

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng

1. Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

2. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

3. phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

4. **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy tìm thêm một số đề tài/chủ đề có thể gây tranh cãi và hãy tìm những lí lẽ để thuyết phục người khác về ý kiến của mình về một trong các vấn đề đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

RÚT KINH NGHIỆM

……

……

……

Ngày soạn: ……/……/…..
Ngày dạy: ……/……/……

BÀI 10: CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI

(THƠ TRÀO PHÚNG)

Tiết…ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

VĂN BẢN: TỰ TRÀO

-Trần Tế Xương-

II. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được thể thơ và cách gieo vần trong bài thơ.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật trào phúng trong bài.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản gửi đến người được
- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ Nôm Đường luật.
- Hiểu được thái độ tự giễu, sự bất lực trước hoàn cảnh của tác giả trong bài thơ. Qua đó hiểu được tâm sự và thông điệp mà tác giả gửi đến.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

f.Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản tự trào

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản tự trào.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa bài thơ

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của thơ với các tác phẩm có cùng chủ đề.

g. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Trân trọng, nâng niu tình bạn đẹp, chân thành.

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

a. Chuẩn bị của GV

- SGK, SGV NV 8 tập 2.

- Máy chiếu/ bảng phụ

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh có liên quan

- Bộ câu hỏi liên quan

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

b. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8

- Phiếu chuẩn bị bài ở nhà

- Tập, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG 1 : Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Khơi gợi trí nhớ về kiến thức nền để hiểu bài thơ tốt hơn.

b. Nội dung: tham gia trò chơi *Ai nhanh hơn*?

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện

*** GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn?**

- Phổ biến luật chơi: Trong thời gian 3 phút, bạn nào trả lời đúng nhiều câu nhất thì sẽ là người thắng cuộc.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ Gv tổ chức trò chơi đố vui "Ai nhanh hơn" để tìm hiểu các thông tin liên quan đến tác giả Trần Tế Xương? Câu 1: Địa danh nào sau đây là quê hương của Trần tế Xương? A Làng Phù Thị -Huyện Gia Lâm – Hà Nội B Làng Yên Đổ - huyện Bình Lực – Hà Nam C làng Vị Xuyên – Mỹ Lộc – Nam Định	HS trả lời cá nhân Câu 1: c Câu 2: A Câu 3: B Câu 4: B Cau 5: A

D Làng Uy Viễn – Nghi Xuân – Hà Tĩnh Đáp án C Câu 2: Năm sinh năm mất của nhà thơ là? A 1870 – 1907 B 1724 – 1791 C 1835 – 1909 D 1778 – 1858 Đáp án A Câu 3: tên gọi khác của Trần Tế Xương là gì? A Tế Xương B Tú Xương C Tú Mỡ D: Tố Hữu Đáp án B Câu 4: Đáp án nào nói đúng về cuộc đời Tú Xương? A: Cuộc đời, tình duyên nhiều éo le, ngang trái B: Ngắn ngủi nhiều gian truân C Dạy học và sống thanh bạch ở quê nhà D Tất cả các đáp án trên Đáp án B Câu 5: Điểm khác biệt giữa Tú Xương và các nhà thơ khác đương thời là: A Trần Tế Xương dành hẳn một đề tài để viết về người vợ đảm đang của mình bao gồm cả thơ, văn tế, câu đối. B Trần Tế Xương sáng tác chủ yếu là thơ Nôm, ngoài ra còn phú, văn tế, câu đối. C Trần Tế Xương sáng tác nhiều thể loại thơ khác nhau như thất ngôn bát cú, thất ngôn tú tuyệt, lục bát. D Trần Tế Xương sáng tác gồm hai mảng: Trào phúng và trữ tình Đáp án A HS tiếp nhận nhiệm vụ **B2: Thực hiện nhiệm vụ**	

HS theo dõi, lắng nghe và trả lời **B3: Báo cáo, thảo luận:** Gv yêu cầu từng cá nhân học sinh trả lời câu hỏi **B4: Kết luận đánh giá** GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn dắt vào bài	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: Biết cách đọc văn bản; Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS tìm hiểu ở nhà.

- GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho học sinh

c. Sản phẩm học tập: Cách đọc của HS, dự án của học sinh, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV chuyển giao nhiệm vụ *Yêu cầu học sinh đọc văn bản* *GV hướng dẫn HS tìm hiểu từ khó và dựa vào các câu hỏi trắc nghiệm trong phần khởi động để khái quát về tác giả, tác phẩm* - HS tiếp nhận nhiệm vụ	**I. TRẢI NGHIỆM CỦA VĂN BẢN** **1. Đọc** - HS biết cách đọc diễn cảm **2. Chú thích** -Từ ngữ khó: Tự trào, phụ lão, văn thân, cuộc chuyển vần. **3. Tác giả, tác phẩm** a. Tác giả - Trần Tế Xương (1870 – 1907) - Quê: làng Vị Xuyên – Mỹ Lộc – Nam Định -Là nhà thơ trào phúng trữ tình của Việt Nam

2.2 SUY NGẪM, PHẢN HỒI

a. Mục tiêu: Giúp HS:

- Phát hiện được những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ
- Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của nhà thơ được thể hiện trong bài thơ
- Rút ra được chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua bài thơ.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): **Gv hướng dẫn HS đọc bài và xác định cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ** - Chia lớp làm 3 nhóm - Phát phiếu học tập cho các nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm: + Nhóm 1: tìm hiểu về những từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu mà nhà thơ đã phác họa bức chân dung của mình qua 6 câu thơ đầu và cho biết tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh đó + Nhóm 2: tìm và chỉ ra các biện pháp tu từ và thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng trong bài + Nhóm 3: chỉ ra những đặc sắc về vần nhịp trong bài thơ. **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)** **HS:** - HS hoạt động cá nhân: 2 phút - HS thảo luận: 3 phút - Đại diện trình bày **GV:** theo dõi và hướng dẫn học sinh trả lời **B3: Báo cáo sản phẩm (HS)** **GV**: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). **HS:** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.	**II. SUY NGẪM, PHẢN HỒI** **1. Những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật trong bài thơ** **a. Vần, nhịp** -Gieo vần: chân "Dân – đần –dần – thân – vần" -Ngắt nhịp: + Chủ yếu 4/3 + Câu 1: 3/1/3 →Việc sử dụng linh hoạt cách gieo vần làm cho nhịp điệu bài thơ trở nên linh hoạt và sinh động hơn. Từ đó bật lên tiếng cười chua xót, bất lực trước hoàn cảnh của bản thân b. Từ ngữ, hình ảnh – Những từ ngữ, hình ảnh mà tác giả đã sử dụng để tự phác họa bức chân dung về bản thân trong sáu câu thơ đầu: **Từ ngữ, hình ảnh** / **Tác dụng** Chẳng phải quan, chẳng phải dân / Tự nhận mình là người không bình thường Từ láy: ngơ ngơ, ngẩn ngẩn / -Ngẩn ngơ, không tỉnh táo

<table>
<tr>
<td>- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo</td>
<td>
<table>
<tr>
<td>-Hệ thống tự loại đặc sắc:
+Động từ: vểnh râu, lên mặt, sai vặt...
+Danh từ: phụ lão, dáng văn thân..</td>
<td>Tự đắc về vị trí của bản thân như phụ lão, văn thân.</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="2">→ Nhận xét: Bức chân dung tự họa của tác giả, khắc họa tài năng văn chương chữ nghĩa của tác giả nhưng lại cho mình là ngu dốt, là ngẩn ngơ, không ăn thua với đời, ăn bám vợ con, vô công rỗi nghề.
c. Thủ pháp trào phúng
-Thủ pháp trào phúng:
+ Sử dụng hệ thống từ loại: danh từ, động từ, tính từ.
+ Dùng lời lẽ kín đáo, cách nói ngược để cười nhạo, mỉa mai
-Tác dụng: thể hiện sự tinh tế trong cách viết của tác giả, nhẹ nhàng mà thâm sâu. Từ đó tiếng cười tự giễu được bật lên. Tiếng cười ở đây mang nghĩa giải thoát khỏi sự bức bách, bất lực trước hoàn cảnh, thời cuộc của tác giả.</td>
</tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

NV2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tình cảm, cảm xúc của nhà thơ **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):** Học sinh thảo luận nhóm đôi: - Tìm những câu thơ có các từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhà thơ? - Nhận xét được những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ thể hiện trong bài thơ. **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)** **HS:** - HS hoạt động cá nhân: 2 phút - HS thảo luận: 3 phút - Đại diện trình bày **GV:** theo dõi và hướng dẫn học sinh trả lời **B3: Báo cáo sản phẩm (HS)** **GV**: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). **HS:** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo **NV 3: GV hướng dẫn HS tìm hiểu chủ đề, thông điệp tác phẩm** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):** Học sinh thảo luận nhóm: - Chủ đề của bài thơ là gì?	**2. Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ** -Các từ ngữ hình ảnh: +Chẳng phải quan, chẳng phải dân +Lương vợ ngô khoai tháng phát dần →Tiếng cười tự giễu vì sự bất lực trước cuộc đời, hoàn cảnh của chính mình -Hai câu thơ cuối: +Sông lâu, lâu để làm gì nhỉ +lâu để mà xem cuộc chuyển vần →Tình cảm, cảm xúc: lo lắng cho thời cuộc, quan tâm vận mệnh đất nước một cách thầm kín. Qua đó thể hiện lòng yêu nước thầm kín, thái độ bất bình trước thực trạng hỗn loạn của xã hội. **3. Chủ đề, thông điệp của tác giả** - Chủ đề bài thơ: tiếng cười tự chế giễu vì sự bất lực của bản thân trước hoàn cảnh xã hội giao thời đầy nhiễu nhương -Thông điệp: Sự tự nhận thức về tình cảnh của mình đó là bất lực trước hoàn cảnh và tố cáo xã hội giao thời dâu mâu thuẫn, nhiễu nhương. Qua đó thể thiện thái độ sống tích cực: dù cuộc sống có

- Qua bài thơ, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc những thông điệp nào? **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)** **HS:** - HS hoạt động cá nhân: 2 phút - HS thảo luận: 3 phút - Đại diện trình bày GV: theo dõi và hướng dẫn học sinh trả lời **B3: Báo cáo sản phẩm (HS)** GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo	xoay vần, đổi thay thì hãy luôn giữ cho mình tinh thần lạc quan, yêu đời.

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống và áp dụng vào quá trình tìm hiểu đặc trưng thể loại thơ trào phúng.

b. Nội dung: HS suy nghĩ, trình bày

***Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Gv chuyển giao nhiệm vụ:

Khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ em cần tìm hiểu những nội dung nào (Phương diện nào) và em cần có những kĩ năng gì?

HS tiếp nhận nhận vụ và thực hiện nhiệm vụ

D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi "Rung chuông vàng" để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi "Rung chuông vàng" để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học. **Câu 1.** Bài thơ được gieo vần gì? A. Vần lưng B. Vần liền **C. Vần chân** D. Vần cách **Câu 2.** Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào? A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối) **B. Hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)** C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu) D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối) **Câu 3.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào? A. 1 – 2 và 3 – 4 **B. 3 – 4 và 5 – 6** C. 5 – 6 và 7 – 8 D. 1 – 2 và 7 – 8 **Câu 4.** "Tự trào" có nghĩa là gì? A. Tự kể về mình B. Tự viết về mình	Câu 1: C Câu 2: B Câu 3:B Câu 4: D Câu 5: D Câu 6: A Câu 7: A

C. Tự nói về mình **D. Tự cười mình** **Câu 5.** Trong bài thơ trên, nhân vật trữ tình "tự trào" điều gì? A. Cái nghèo của mình B. Cái dốt nát của mình C. Cái khôn ngoan của mình **D. Sự bất lực của bản thân trước hoàn cảnh và thời cuộc** **Câu 6.** "Tự trào" cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình? **A. Lòng yêu nước** B. Sự hiếu học **C. Lòng tự trọng** D. Tính hài hước Câu 7: Thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng là: **A Cách nói ngược để tự trào, mỉa mai** B: Cách nói phóng đại C cách lời nghịch lý để phê phán, mỉa mai. D cách nói ẩn dụ giễu nhại	

IV: Phụ lục (Hồ sơ dạy học)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Từ ngữ, hình ảnh	Tác dụng
....	....
....	....
....	....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Thủ pháp trào phúng	Tác dụng
....	....
....	....
....	....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Các câu thơ	Cảm xúc của nhà thơ
....	....
....	....
....	....

Mời bạn xem thêm tài liệu tại: https://giaoan.link

Kênh youtube chia sẻ kiến thức: https://youtube.com/Netmediacctv

THANKS!